

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV LƯƠNG THỰC LƯƠNG YÊN VÀ CÔNG TY TNHH MTV LƯƠNG THỰC LƯƠNG YÊN KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẦU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẦU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MTV LƯƠNG THỰC LƯƠNG YÊN

DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

CÔNG TY TNHH MTV LƯƠNG THỰC LƯƠNG YÊN

Địa chỉ: Số 6 phố Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 24 3971 6894 Fax: (84) 28 3821 9889

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ



HANOI STOCK EXCHANGE
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02, Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 24 35770825 Fax: (84) 24 3934 7818

TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BAOVIET  **Securities**
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Địa chỉ: Số 72, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 24 3928 8080 Fax: (84) 24 3928 9888

Hà Nội, năm 2021

MỤC LỤC

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	5
II. GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	7
1. Doanh nghiệp cổ phần hóa.....	7
2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh	8
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	9
4. Cơ cấu tổ chức của Công ty trước cổ phần hóa	10
5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	19
6. Giá trị doanh nghiệp và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	19
7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	24
8. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.....	27
9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm trước cổ phần hóa.....	27
10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	34
III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....	36
1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa	36
2. Hình thức cổ phần hóa	43
3. Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2021-2023	45
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ, GIÁ KHỞI ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH	56
V. RỦI RO DỰ KIẾN	58
1. Rủi ro về kinh tế	58
2. Rủi ro về luật pháp	58
3. Rủi ro về cân đối dòng tiền	59
5. Rủi ro về đợt chào bán cổ phiếu.....	59
6. Các rủi ro khác	59
VI. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN.....	60
1. Phương thức bán cổ phần	60
2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.....	61
VIII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	63

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh.....	8
Bảng 2: Lao động của Công ty tại ngày 31/12/2019.....	19
Bảng 3: Lao động của Công ty sau khi chuyển sang công ty cổ phần.....	19
Bảng 4: Tổng hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (theo phương pháp tài sản)	20
Bảng 5: Tỷ lệ giá trị các khoản nợ phải thu, phải trả chưa có biên bản đối chiếu	22
Bảng 6: Thông tin về các khoản nợ phải thu khó đòi của Công ty	23
Bảng 7: Tổng hợp số liệu đất đang quản lý, sử dụng theo địa bàn trước cổ phần hóa	24
Bảng 8: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2019.....	25
Bảng 9: Tình hình Phương tiện vận tải tại thời điểm 31/12/2019.....	26
Bảng 10: Thực trạng tài sản cố định theo giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2020	27
Bảng 11: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty năm 2018-2020	28
Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty năm 2018-2020	28
Bảng 13: Sản lượng gạo mua vào và bán ra của Công ty từ năm 2018 – 2020	28
Bảng 14: Đơn giá hợp đồng trung bình của một số địa điểm nhà đất.....	29
Bảng 15: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2018-2020	30
Bảng 16: Danh sách Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết bởi Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên.....	31
Bảng 17: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 - 2020	31
Bảng 18: Các ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh sau cổ phần hóa.....	36
Bảng 19: Điểm điều chỉnh chính trong cơ cấu tổ chức	39
Bảng 20: Tổng nhu cầu vốn của Công ty Lương thực Lương Yên sau cổ phần hóa.....	44
Bảng 21: Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh từ 2021 – 2023	46
Bảng 22: Nguồn thu dự kiến từ kinh doanh gạo cung ứng xuất khẩu cho Tổng công ty	49
Bảng 23: Phương án sử dụng đất của Công ty sau cổ phần hóa	51
Bảng 24: Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Lương thực Lương Yên sau cổ phần hóa.....	56
Bảng 25: Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành	62

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- Công ty TNHH MTV	:	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
- Công ty	:	Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên
- CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
- CĐKT	:	Bảng cân đối kế toán
- CPH	:	Cổ phần hóa
- CTCP	:	Công ty cổ phần
- DNNN	:	Doanh nghiệp nhà nước
- ĐKKD	:	Đăng ký kinh doanh
- HĐTV	:	Hội đồng thành viên
- UBND	:	Ủy ban nhân dân
- Vinafood1/TCTLTMB	:	Tổng công ty Lương thực miền Bắc
- SXKD	:	Sản xuất kinh doanh

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính Phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH MTV do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần; Thông tư số 34/2019/TT-BTC ngày 11/6/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2018/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Công văn số 808/TTg-ĐMDN ngày 26/06/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phương án tổng thể sắp xếp đổi mới Tổng công ty Lương thực Miền Bắc;

Căn cứ Quyết định 2869/QĐ-BNN-QLDN ngày 17/7/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về phê duyệt Phương án cơ cấu lại Tổng công ty Lương thực Miền Bắc (giai đoạn 2018 - 2020);

Căn cứ Quyết định 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết 2020 (trong đó Tổng công ty Lương thực Miền Bắc nhà nước nắm giữ 65% vốn điều lệ trở lên);

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-TCTLTMB- HĐTV ngày 05/9/2018 của HĐTV Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện phương án cơ cấu lại Tổng công ty Lương thực Miền Bắc (giai đoạn 2018 - 2020);

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 20/09/2019 của HĐTV Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên;

Căn cứ quyết định số 339/QĐ-TCTLTMB-BCĐ ngày 25/09/2019 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên.

Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 31/12/2019 của HĐTV Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên;

Căn cứ quyết định số 37/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 14/02/2020 của HĐTV Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt Kế hoạch tiến độ cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên.

Căn cứ Công văn số 135/QHLĐTL-CSLĐ ngày 26/03/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc giải quyết chế độ đối với người quản lý doanh nghiệp cấp II bị dôi dư của Tổng công ty Lương thực miền Bắc;

Căn cứ quyết định số 312/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 12/11/2020 của HĐTV Tổng công ty Lương thực miền Bắc về việc điều chỉnh tiến độ kế hoạch cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên.

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 24/11/2020 của HĐTV Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 17/12/2020 của HĐTV Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 19/01/2021 của HĐTV Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu: Tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên;

Căn cứ Hợp đồng số 15/2021/BVSC-LYF/PTV-ĐG ngày 01/02/2021 giữa Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên về dịch vụ Tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng để cổ phần hóa.

II. GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Doanh nghiệp cổ phần hóa

1.1. Thông tin cơ bản

Tên tiếng Việt	: CÔNG TY TNHH MTV LƯƠNG THỰC LƯƠNG YÊN
Tên tiếng Anh	: LUONG YEN FOOD COMPANY LIMITED
Tên viết tắt	: CÔNG TY LƯƠNG THỰC LƯƠNG YÊN
Địa chỉ trụ sở chính	: Số 6 phố Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	: (84) 24 3971 6894
Fax	: (84) 28 3821 9889
Giấy CNĐKKD	: Số 0105927553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/06/2012, thay đổi lần thứ 2 ngày 11/08/2017. Giấy xác nhận Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2017 và ngày 04/06/2018.
Vốn điều lệ	: 40.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng).

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngày 20/01/1996, Công ty Lương thực cấp I Lương Yên được thành lập theo Quyết định số 57NN – TCCB/QĐ của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở sáp nhập Công ty xuất nhập khẩu Lương thực Hà Nội vào Công ty Chế biến Lương thực Lương Yên.

Thực hiện việc đổi mới và nâng cao năng lực hoạt động của DNNN, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 4679QĐ/BNN-TCCB ngày 30/10/2000 về việc sáp nhập Công ty Chế biến Kinh doanh Lương thực Sông Hồng vào Công ty Lương thực cấp I Lương Yên.

Ngày 20/03/2001, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Quyết định số 960QĐ/BNN TCCB sáp nhập 3 Công ty thuộc Liên Hiệp các Công ty Lương thực Hà Nội vào Công ty Lương thực cấp I Lương Yên.

Thực hiện chuyển đổi và sắp xếp lại Công ty Lương thực cấp I Lương Yên thành Chi nhánh của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc tại quyết định số 2575/QĐ BNN-ĐMDN ngày 15/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội đồng quản trị của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc đã ban hành Quyết định số 102/QĐ-TCTLTMB – HĐQT ngày 09/06/2010 về việc thành lập Công ty Lương thực cấp I Lương Yên – Chi nhánh của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc. Công ty Lương thực cấp I Lương Yên –

Chi nhánh của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc tiền thân là đơn vị hạch toán độc lập, các đơn vị trực thuộc có con dấu riêng, có quyền chủ động trong SXKD dịch vụ và tổ chức quản lý. Khi hoạt động theo mô hình chi nhánh – đơn vị hạch toán phụ thuộc, đã gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý điều hành hoạt động SXKD, không phát huy được tính năng động, tự chủ theo cơ chế thị trường.

Để tháo gỡ khó khăn đồng thời thực hiện phương án sắp xếp Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc theo văn bản số 2457/TTg – ĐMDN ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/06/2012 Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên được thành lập tại quyết định số 179/QĐ- TCTLTMB – TCLĐ trên cơ sở chuyển đổi Công ty Lương thực cấp I Lương Yên - Chi nhánh của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc. Từ đó đến nay Công ty lại trở lại hoạt động theo mô hình Công ty độc lập có tư cách pháp nhân đầy đủ và là Công ty thành viên của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc.

2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0105927553 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, cấp lần đầu ngày 25/06/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 2: ngày 11/08/2017, Giấy xác nhận Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2017 và ngày 04/06/2018, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng 1: Các ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620 (Chính)
2	Bán buôn gạo	4631
3	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
4	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
5	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
7	Dịch vụ ăn uống khác	5629
8	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)	5621
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa	4669
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ	
13	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
14	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
15	Đại lý du lịch	7911
16	Điều hành tua du lịch	7912
17	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
20	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4663
21	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng	6810
22	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Chế biến lương thực, nông sản	1061
23	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
24	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

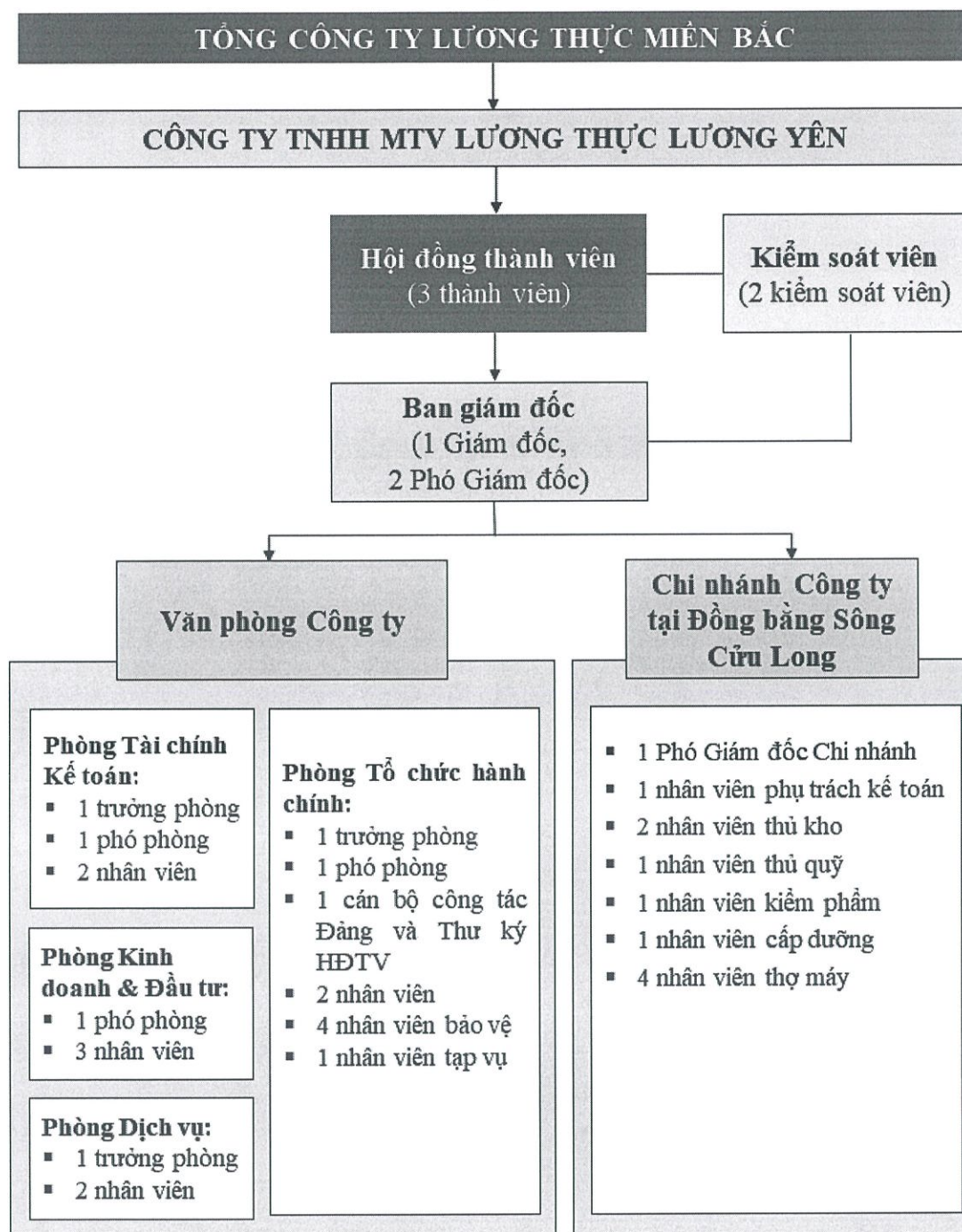
Nguồn: Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

- Hoạt động bán buôn lương thực, nông sản:
- + Công ty tập trung vào hoạt động chế biến, kinh doanh mặt hàng gạo chất lượng cao trên thị trường nội địa, tập trung các sản phẩm gạo thương hiệu, tiêu thụ chủ yếu trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh thành lân cận.
- + Công ty đầu tư nhà máy chế biến gạo tại Đồng bằng sông Cửu Long để thu mua, chế biến và tiêu thụ gạo phục vụ hoạt động kinh doanh trên thị trường nội địa và xuất khẩu/cung ứng xuất khẩu.
- + Thu mua, kinh doanh, tiêu thụ nông sản phục vụ ngành thức ăn chăn nuôi.
- Các loại gạo đang được phân phối bởi Công ty: gạo tẻ 5% tấm, gạo tẻ Miền Nam 5% tấm, gạo trắng Iraq 5%, gạo lứt 5%,...

4. Cơ cấu tổ chức của Công ty trước cổ phần hóa

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên trước cổ phần hóa



- Tổng số lượng nhân sự là **35** người, trong đó không bao gồm:
- + 01 Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện phần vốn của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc tại Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên.
- + 01 Kiểm soát viên là nhân sự trực thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc.

4.1. Hội đồng thành viên

HĐTV có các thẩm quyền như sau:

- Đề nghị Tổng công ty ban hành Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Đề nghị Tổng công ty quyết định, điều chỉnh vốn điều lệ, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản Công ty; việc điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty;
- Đề nghị Tổng công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Thành viên HĐQT, Giám đốc và Kiểm soát viên Công ty;
- Đề nghị Tổng công ty phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý công ty, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng hàng năm của người quản lý Công ty;
- Đề nghị Tổng công ty ban hành quy chế tài chính Công ty;
- HĐQT quyết định sau khi trình và được Tổng công ty phê duyệt các nội dung sau đây:
 - + Chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp;
 - + Các dự án đầu tư, xây dựng và mua sắm tài sản cố định vượt thẩm quyền của HĐQT theo phân cấp tại Quy chế quản lý, phân cấp thực hiện dự án đầu tư của Tổng công ty;
 - + Các phương án huy động vốn, hợp đồng mua bán và hợp đồng khác có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất với thời điểm phát sinh nghiệp vụ;
 - + Góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
 - + Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm;
 - + Tổng biên chế quản lý và Người lao động của Công ty; tổng quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của Công ty;
 - + Thành lập, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước;
 - + Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng hoặc kỷ luật; quyết định tiền lương, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty sau khi được Tổng công ty chấp nhận;
 - + Ban hành các quy chế quản lý nội bộ, định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty; phê duyệt Quy chế Tổ chức quản lý và hoạt động của đơn vị trực thuộc;
 - + Quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của HĐQT và được quy định trong phân cấp quản lý đầu tư xây dựng của Tổng công ty;

- + Quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc quyết định các phương án huy động vốn, hợp đồng mua bán và hợp đồng khác có giá trị đến 50% vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất với thời điểm phát sinh nghiệp vụ;
- + Quyết định điều động, điều chỉnh vốn và các nguồn lực do Công ty ủy quyền sử dụng giữa các đơn vị trực thuộc;
- + Quyết định việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; phân công chuyên môn hoá, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thông tin, thị trường, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ giữa Công ty và các công ty thành viên (nếu có);
- + Quyết định phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, sử dụng bộ máy quản lý, quy hoạch và đào tạo lao động của Công ty;
- + Thông qua đề Giám đốc quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và quyết định mức lương đối với Giám đốc, Phụ trách kế toán các đơn vị trực thuộc và Trưởng các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty;
- + Yêu cầu Giám đốc nộp đơn phá sản khi Công ty lâm vào tình trạng phá sản;
- + Tổ chức kiểm tra, giám sát Giám đốc Công ty, Giám đốc đơn vị trực thuộc theo quy định tại Điều lệ này;
- HĐQT chịu trách nhiệm trước Tổng công ty trong quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn; báo cáo Tổng công ty kịp thời khi doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác;
- HĐQT chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của doanh nghiệp;
- HĐQT sử dụng các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình. Ngoài ra, HĐQT được thành lập bộ phận giúp việc chuyên trách và kiểm soát nội bộ là chuyên viên chính hoặc chuyên viên có ít nhất 05 năm kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ để giúp việc trực tiếp cho HĐQT;
- HĐQT, Chủ tịch và thành viên, HĐQT thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4.2. Giám đốc

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và quyết định của Tổng công ty; các hợp đồng, các thoả thuận của Công ty đã được ký kết; điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty;
- Quyết định các dự án đầu tư, mua bán, thanh lý, nhượng bán tài sản các hợp đồng vay, thuê, và hợp đồng kinh tế khác, phương án sử dụng vốn và tài sản của Công ty để góp

vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của HĐQT và pháp luật có liên quan;

- Ký kết các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự của Công ty. Đối với các Hợp đồng có giá trị trên mức phân cấp cho Giám đốc thì Giám đốc chỉ được ký kết sau khi có Nghị quyết hoặc quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; các giải pháp thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Tuyển dụng lao động theo biên chế đã được HĐQT và Tổng công ty phê duyệt;
- Quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và phụ cấp (nếu có) đối với:
 - + Giám đốc, Phụ trách kế toán các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty sau khi được sự chấp thuận của Hội đồng thành viên;
 - + Phó các phòng, ban (hoặc các chức danh tương đương), Phó giám đốc đơn vị trực thuộc của Công ty;
- Kiến nghị HĐQT về xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, kế hoạch trung hạn của Công ty;
- Xây dựng kế hoạch hàng năm của Công ty, phương án huy động vốn, dự án đầu tư, phương án liên doanh, quy chế quản lý nội bộ của Công ty trình HĐQT;
- Xây dựng và trình HĐQT phê duyệt phương án cơ cấu tổ chức quản lý, quy hoạch đào tạo lao động, phương án chuyển đổi sở hữu;
- Xây dựng và trình HĐQT phê duyệt các định mức kinh tế, kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương phù hợp với các quy định của Nhà nước; tổ chức thực hiện định mức, tiêu chuẩn sản phẩm theo quy định của Công ty, Tổng công ty và của Nhà nước;
- Trình HĐQT xem xét, quyết định hoặc đề HĐQT trình Tổng công ty quyết định (nếu vượt thẩm quyền của HĐQT) các dự án đầu tư ra ngoài Công ty và các dự án đầu tư trong nội bộ Công ty vượt mức phân cấp cho Giám đốc;
- Quyết định các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong nội bộ Công ty theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty, phân cấp của HĐQT Công ty và quy định của pháp luật về đầu tư;
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT; chuẩn bị tài liệu cho các cuộc họp HĐQT, báo cáo trước HĐQT và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện công khai các báo cáo tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật;
- Chịu sự kiểm tra, giám sát của HĐQT, Kiểm soát viên và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật;
- Lập phương án phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty trình HĐQT báo cáo chủ sở hữu phê duyệt theo quy định của pháp luật;

- Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay cho HĐQT và cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Được quyền phân cấp hoặc uỷ quyền cho người khác trong Công ty thực hiện từng phần hoặc một số quyền và nhiệm vụ của Giám đốc; chịu trách nhiệm về kết quả phân cấp hoặc uỷ quyền đó;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Được hưởng chế độ tiền lương theo năm. Mức tiền lương và mức tiền thưởng tương ứng với hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty do HĐQT quyết định hoặc theo hợp đồng đã ký. Chế độ thanh toán, quyết toán tiền lương, tiền thưởng được thực hiện như đối với các thành viên chuyên trách của HĐQT.

4.3. Kiểm soát viên

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng của HĐQT, Giám đốc trong việc thực hiện quyền của Tổng công ty và trong việc quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Thẩm định trước khi trình Tổng công ty hoặc các cơ quan quản lý nhà nước các báo cáo của Công ty sau:
 - + Báo cáo tình hình kinh doanh;
 - + Báo cáo tài chính hàng năm;
 - + Báo cáo đánh giá công tác quản lý;
 - + Các báo khác theo yêu cầu của Tổng công ty hoặc cơ quan quản lý nhà nước.

Kết quả thẩm định của Kiểm soát viên phải lập thành báo cáo và gửi cùng các báo cáo trên.

- Kiến nghị Tổng công ty hoặc HĐQT các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành Công ty;
- Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ các hồ sơ, tài liệu nào của Công ty tại trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty. Các thành viên HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, tài liệu về thực hiện quyền của chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên;
- Khi phát hiện thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng vi phạm nghĩa vụ, nhiệm vụ thì phải thông báo ngay bằng văn bản đến HĐQT để xử lý và yêu cầu người vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm hoặc phải có biện pháp khắc phục hậu quả. Trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng thì phải báo Tổng công ty xử lý;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc quyết định khác của Tổng công ty;

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc tham vấn và trao đổi chính thức và không chính thức của Tổng công ty với HĐQT; có quyền chất vấn HĐQT, thành viên HĐQT và Giám đốc công ty về các kế hoạch, dự án hay chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý điều hành công ty;
- Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý điều hành của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Tổng công ty;
- Xem xét, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của công ty, thực trạng vận hành và hiệu lực các quy chế quản trị nội bộ công ty;
- Yêu cầu những người quản lý công ty báo cáo về thực trạng tài chính, thực trạng và kết quả kinh doanh của công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Trường hợp phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc và những người quản lý khác làm trái các quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái các quy định đó; hoặc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, làm trái các quy định về quản lý kinh tế, trái quy định Điều lệ công ty hoặc các quy chế quản trị nội bộ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản đến HĐQT Công ty để xử lý và yêu cầu người vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm hoặc phải có biện pháp khắc phục hậu quả. Trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng thì phải báo Tổng công ty xử lý.

4.4. Phó Giám đốc

- Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được phân công hoặc uỷ quyền. Việc uỷ quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế hoặc liên quan đến sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản;
- Việc uỷ quyền có thể uỷ quyền có thời hạn hoặc theo thời điểm, uỷ quyền theo lĩnh vực hoặc theo từng việc.

4.5. Kế toán trưởng

- Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán trong Công ty;
- Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán và chịu trách nhiệm về chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Khi thay đổi Kế toán trưởng, Kế toán trưởng cũ phải có trách nhiệm bàn giao công việc Kế toán trưởng và tài liệu kế toán cho Kế toán trưởng mới. Kế toán trưởng cũ phải chịu trách nhiệm về các vấn đề phát sinh trong thời gian mình làm Kế toán trưởng;
- Giúp HĐQT, Giám đốc Công ty quản lý và giám sát tài chính tại Công ty;
- Kế toán trưởng chịu sự lãnh đạo của HĐQT và Giám đốc Công ty;

- Các tiêu chuẩn, quyền hạn và trách nhiệm khác của Kế toán trưởng theo quy định của Luật kế toán.

Các phòng/ban chuyên môn Văn phòng Công ty

4.6. Phòng Tài Chính Kế toán

- Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty một cách kịp thời, đầy đủ đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể là các nghiệp vụ liên quan: Kế toán vốn bằng tiền; kế toán tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ...; kế toán công nợ; kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính; kế toán thực hiện hoạt động khác;
- Thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Thực hiện kịp thời, đầy đủ công tác thống kê, kế hoạch tài chính theo quy định của công ty;
- Tham gia thực hiện và trực tiếp quản lý công tác đầu tư tài chính, cho vay tại Công ty;
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về việc chỉ đạo thực hiện hoặc trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và chấp hành chế độ tài chính kế toán của Nhà nước và của nội bộ Công ty:
- + Lập kế hoạch và kiểm tra kế hoạch chi tiêu đảm bảo đúng các quy định về định mức chi tiêu của Nhà nước và của Công ty để hoạt động kinh doanh được hiệu quả;
- + Xây dựng các quy định nội bộ về quản lý tài chính: quy trình thu, chi kinh doanh; quản lý tiền vốn, công nợ; Các loại định mức như định mức hàng tồn kho, hao hụt, tiền lương, ... áp dụng trong Công ty và kiểm tra việc chấp hành các quy định nội bộ này;
- Nghiên cứu và đề xuất với Lãnh đạo Công ty các biện pháp quản lý hoạt động kinh doanh đảm bảo chấp hành tốt đúng chế độ hiện hành và phù hợp với đặc điểm, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để đạt hiệu quả cao nhất.

4.7. Phòng Tổ chức hành chính

Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

- Nghiên cứu, đề xuất với lãnh đạo Công ty về việc thành lập bộ máy tổ chức của Công ty như thành lập các phòng ban, đơn vị trực thuộc nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
- Nghiên cứu, vận dụng và đề xuất các chế độ chính sách đối với cán bộ như: tuyển dụng, phân công, điều động, bổ nhiệm, nâng bậc, nâng lương, kỉ luật cán bộ... hưu trí và các chế độ khác đối với người lao động;
- Theo dõi thống kê nhân sự theo quy định và yêu cầu của các cơ quan quản lý cấp trên;
- Quản lý và bổ sung hồ sơ cán bộ công nhân viên trong Công ty hàng năm theo đúng quy định;
- Xây dựng kế hoạch đào tạo dài hạn, ngắn hạn nhằm bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ và công tác quản lý đối với cán bộ CNV;
- Tuyển chọn cán bộ để cử đi bồi dưỡng, đào tạo;

- Xây dựng và cùng các phòng chức năng khác bảo vệ kế hoạch lao động tiền lương hàng năm theo hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên;
- Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các hình thức tính lương, thưởng và các khoản thù lao, phụ cấp đúng chính sách chế độ đối với người lao động;
- Thống kê và lập các báo cáo theo dõi tiền lương và thu nhập của cán bộ công nhân viên;
- Các công tác về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.... tính mức trích nộp hàng tháng, quý, năm;
- Theo dõi chế độ nghỉ phép, nghỉ ốm, thai sản của cán bộ CNV, tập hợp hồ sơ và đề nghị giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội;
- Thực hiện, đề xuất công tác bảo hộ lao động.

Công tác hành chính

- Bao gồm toàn bộ công tác: Văn thư, quản lý con dấu, quản lý lưu trữ tài liệu, bảo mật, đánh máy, in ấn tài liệu, phục vụ thông tin liên lạc, quản lý và điều hành phương tiện làm việc cho các phòng ban, bảo vệ thường trực Công ty. Thực hiện các công việc tạp vụ, quản lý tài sản khối văn phòng Công ty;
- Giao dịch, tiếp khách hoặc hướng dẫn khách đến làm việc với lãnh đạo Công ty;
- Thực hiện công việc đột xuất khi có yêu cầu của lãnh đạo Công ty.

4.8. Phòng Kinh doanh & Đầu tư

- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Giám đốc Công ty trong các hoạt động sau:
 - + Kinh doanh lương thực, nông sản nội địa và trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh lương thực, nông sản theo Phương án kinh doanh được lãnh đạo Công ty phê duyệt;
 - + Kinh doanh bán lẻ tại các địa điểm chuyên dùng thuộc sở hữu của Nhà nước, đảm bảo an toàn về vốn và tài sản được giao;
 - + Kinh doanh, đầu tư trên quỹ mặt bằng hiện có tại toà nhà 373 Bạch Mai, Hà Nội;
 - + Lập phương án kinh doanh, đầu tư ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu đánh giá và dự báo nhu cầu thị trường về kinh doanh lương thực, nông sản nội địa và các hàng hoá tiêu dùng. Xây dựng, lập phương án kinh doanh ngắn, trung và dài hạn;
- Triển khai thực hiện chỉ đạo định hướng phát triển kinh doanh và đầu tư của công ty. Khảo sát, thăm dò, tìm hiểu tiếp cận đánh giá tình hình thị trường lĩnh vực mặt hàng, ngành nghề Công ty đang hoạt động và định hướng trong tương lai;
- Nghiên cứu, đề xuất với Lãnh đạo Công ty các phương án mở rộng ngành nghề, mặt hàng, đổi mới các hoạt động kinh doanh hàng hoá cho phù hợp với các cửa hàng nhà chuyên dùng đang thuê của Nhà Nước;

- Trực tiếp lập phương án kinh doanh trình lãnh đạo Công ty phê duyệt. Tổ chức thương thảo đàm phán, dự thảo các hợp đồng để thực hiện phương án kinh doanh đã được phê duyệt;
- Thực hiện chương trình bình ổn và đảm bảo an ninh lương thực khi được giao;
- Phối hợp với các phòng ban Công ty, các đơn vị trực thuộc để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- Các công việc khác khi được lãnh đạo Công ty giao.

4.9. Phòng Dịch vụ

- Thực hiện, quản lý các công việc kinh doanh và hợp tác kinh doanh trong các ngành nghề, dịch vụ ngoài ngành lương thực, được xác nhận trên Giấy Đăng ký Kinh doanh của Công ty, như kinh doanh bến xe, xăng dầu, kho bãi,...;
- Nghiên cứu, đề xuất và tham mưu với Lãnh đạo Công ty về các phương án mở rộng các ngành nghề, mặt hàng kinh doanh có tiềm năng phát triển, ngoài ngành lương thực;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Lãnh đạo Công ty.

4.10. Chi nhánh Công ty tại Đồng Bằng Sông Cửu Long

- Thực hiện nhiệm vụ sản xuất và chế biến mặt hàng gạo xuất khẩu nhằm phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu của Tổng Công ty và các đối tác bên ngoài khác;
- Thực hiện công việc lưu trữ hàng hóa thành phẩm nhằm đảm bảo nguồn cung ứng và hoạt động kinh doanh của Công ty được kịp thời, hiệu quả;
- Phối hợp và tham vấn Phòng Kinh doanh và Đầu tư lập kế hoạch sản xuất và thực hiện công việc theo ngày, tuần, tháng;
- Điều phối và quản lý các phương tiện vận tải để thực hiện công tác vận chuyển hàng hóa;
- Quản lý việc kê khai thiết lập chứng từ xuất nhập kho phù hợp cho từng đơn hàng của Chi nhánh;
- Quản lý việc thực hiện, hoàn tất các thủ tục bán hàng theo quy định của công ty và luật pháp đảm bảo tính phù hợp pháp lý cho các hợp đồng/ đơn hàng;
- Tìm kiếm nguồn cung cấp nguyên liệu và đánh giá rủi ro của các nguồn cung cấp;
- Kiểm soát việc thu mua nguyên liệu: Số lượng, tiến độ hàng về đảm bảo phù hợp với kế hoạch sản xuất và yêu cầu giao hàng, tránh tồn kho, lưu kho gây lãng phí;
- Hạch toán kế toán và gửi báo cáo quyết toán về Văn phòng Công ty để tổng hợp;
- Theo dõi, giám sát hệ thống sổ sách, dữ liệu phản ánh chính xác công tác nhập xuất tồn tại kho thành phẩm;
- Phối hợp với Văn phòng Công ty thực hiện các công việc theo phân công và chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty;

5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Số lượng lao động của Công ty tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2019 là 35 người, trong đó 32 người tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.

Cơ cấu lao động theo trình độ như sau:

Bảng 2: Lao động của Công ty tại ngày 31/12/2019

Phân loại theo trình độ	Số lượng
Số lao động có trình độ đại học và trên đại học	27
Số lao động có trình độ cao đẳng và trung cấp	02
Số lao động là công nhân kỹ thuật/ dạy nghề	06
Số lao động khác	0
Tổng	35

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên

Bảng 3: Lao động của Công ty sau khi chuyển sang công ty cổ phần

Phân loại theo trình độ	Số lượng
Số lao động có trình độ đại học và trên đại học	24
Số lao động có trình độ cao đẳng và trung cấp	2
Số lao động là công nhân kỹ thuật/ dạy nghề	5
Số lao động khác	1
Tổng	32

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên

6. Giá trị doanh nghiệp và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên đã thuê Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam VVFC làm đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp theo Hợp đồng xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa số 21803/HĐ-VVFC/BAN3 ngày 18/02/2020.
- Căn cứ Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp lập ngày 06/11/2020 ký giữa đơn vị tư vấn - Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam VVFC và Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên.
- Ngày 09/11/2020, Hội đồng thành viên Công ty có Báo cáo số 24/BC-CTLTLY-HĐTV về việc Xử lý tài chính, xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên.
- Ngày 18/11/2020, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên có Tờ trình số 813/TTr-TCTLTMB-BCĐCPHLY đề nghị phê duyệt Giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên.

- Ngày 24/11/2020, Tổng công ty Lương thực miền Bắc đã ban hành Quyết định số 322/QĐ-TCTLTMB-HĐTV về Phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên, kết quả xác định giá trị doanh nghiệp được xác định như sau:

6.1. Giá trị doanh nghiệp và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Bảng 4: Tổng hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (theo phương pháp tài sản)

Đơn vị: Đồng

TT	Các chỉ tiêu chính	Số kế toán	Xác định lại	Chênh lệch tăng
A	Tài sản đang dùng	59.610.050.876	83.650.956.837	24.040.905.961
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	5.538.463.150	8.298.837.655	2.760.374.505
1	Tài sản cố định	5.538.463.150	8.192.579.615	2.654.116.465
a	TSCĐ hữu hình	5.538.463.150	8.192.579.615	2.654.116.465
b	TSCĐ vô hình	-	-	-
2	Tài sản dài hạn khác	-	106.258.040	106.258.040
II	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	54.071.587.726	75.352.119.182	21.280.531.456
1	Tiền	4.725.867.519	4.725.868.177	658
a	Tiền mặt tồn tại quỹ	2.169.163.342	2.169.164.000	658
b	Tiền gửi ngân hàng	2.556.704.177	2.556.704.177	-
2	Các khoản tương đương tiền	36.420.000.000	15.900.000.000	(20.520.000.000)
3	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	20.520.000.000	20.520.000.000
a	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	20.520.000.000	20.520.000.000
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	626.330.000	21.721.317.198	21.094.987.198
5	Vật tư hàng hóa tồn kho	10.761.141.556	10.761.141.556	-
6	Tài sản ngắn hạn khác	1.538.248.651	1.723.792.251	185.543.600
B	Tài sản không cần dùng	-	-	-
C	Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
D	Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP	59.610.050.876	83.650.956.837	24.040.905.961
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP	59.610.050.876	83.650.956.837	24.040.905.961
E1	Các khoản nợ thực tế phải trả	24.164.991.940	24.214.816.522	49.824.582

TT	Các chỉ tiêu chính	Số kế toán	Xác định lại	Chênh lệch tăng
E2	Số dư khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
E3	Số dư nguồn kinh phí sự nghiệp		-	-
	GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP	35.445.058.936	59.436.140.315	23.991.081.379

Nguồn: Biên bản thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên khi cổ phần hóa theo phương pháp tài sản và phương pháp chiết khấu dòng tiền thuần vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2019.

- Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2019 của Công ty là: **83.650.956.837** đồng, trong đó Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là: **59.436.140.315** đồng.
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại DN tăng 23.991.081.379 đồng so với giá trị sổ sách kế toán trước xử lý tài chính, mức tăng 67,7%.
- Tài sản không tính vào giá trị cổ phần hóa: Không.

Ghi chú: Giá trị doanh nghiệp được phê duyệt và trình bày ở trên là giá trị làm cơ sở để xác định giá khởi điểm khi chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO)

6.2. Các vấn đề cần tiếp tục xử lý

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-TCTLTMB-HĐTV về Phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên của Tổng công ty Lương thực miền Bắc và Biên bản thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên khi cổ phần hóa theo phương pháp tài sản và phương pháp chiết khấu dòng tiền thuần vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019, có một số vấn đề lưu ý như sau:

6.2.1. Đối với phương án sử dụng đất:

a. Đối với các điểm đất tại Tiền Giang:

- Ngày 21/02/2020, Tổng công ty Lương thực Miền Bắc có tờ trình 104/TTr-TCTLTMB-HĐTV ngày 21/02/2020 gửi UBND tỉnh Tiền Giang về phương án sử dụng cơ sở nhà, đất sau cổ phần hóa; theo đó, một lô đất xin trả lại, một lô còn lại chờ UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm để bán.
- Ngày 07/10/2020, UBND tỉnh Tiền Giang đã ban hành Quyết định số 2994/QĐ-UBND phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng) của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên thuộc thửa 1172, tờ bản đồ số HKC3 tọa lạc tại ô 3, ấp Hòa Hảo, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- 01 cơ sở đất của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên tại tỉnh Tiền Giang chưa được UBND tỉnh Tiền Giang chấp thuận phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa, nhưng do cơ sở đất này đã được UBND tỉnh Tiền Giang và Bộ Tài chính chấp thuận cho doanh nghiệp tiếp tục giữ lại sử dụng/trả lại theo quy định về sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất do Nhà nước quản lý, đồng thời phương án, mục đích sử dụng đất sau cổ phần hóa do doanh nghiệp đề xuất phù hợp với phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nên tư vấn tạm xác định theo phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa phù hợp với đề xuất của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc và Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên ngày 20/02/2020.

b. Đối với các địa điểm đất tại Hà Nội

- Ngày 21/02/2020, Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên đã có tờ trình số 10/TTr-LTLY-PASĐĐ và Tổng công ty Lương thực Miền Bắc có Công văn số 445/TCTLTMB-HĐTV ngày 02/06/2020 gửi UBND thành phố Hà Nội đề nghị Phê duyệt Phương án sử dụng các địa điểm đất của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên trên địa bàn thành phố Hà Nội sau cổ phần hóa. Theo đó, toàn bộ các lô đất công ty đang quản lý sử dụng là đất thuê/nhà thuê trả tiền hàng năm nên không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp.

- 05 cơ sở đất của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên tại Hà Nội đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa (Công văn số 5241/UBND-QLCS ngày 04/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội);

6.2.2. Về đối chiếu công nợ:

- Các khoản nợ phải thu, phải trả được xác định trên cơ sở hồ sơ tài liệu do Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên cung cấp và kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính 31/12/2019 do Công ty kiểm toán độc lập thực hiện. Đến ngày phát hành Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, một số khoản nợ phải thu, nợ phải trả của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên chưa được khách nợ hoặc chủ nợ xác nhận bằng văn bản, cụ thể như sau:

Bảng 5: Tỷ lệ giá trị các khoản nợ phải thu, phải trả chưa có biên bản đối chiếu

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ giá trị các khoản nợ chưa có biên bản đối chiếu
1	Nợ phải thu:	
-	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	100,0%
-	Trả trước cho người bán ngắn hạn	100,0%
-	Phải thu ngắn hạn khác	3,7%
2	Nợ phải trả	
-	Phải trả người bán ngắn hạn	100,0%
-	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	100,0%
-	Phải trả ngắn hạn khác	9,5%

- Công ty có trách nhiệm tiếp tục đối chiếu các khoản công nợ chưa được đối chiếu theo đúng quy định hiện hành.

6.2.3. Về các khoản phải thu

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty còn 03 khoản nợ phải thu khó đòi cụ thể như sau:

Bảng 6: Thông tin về các khoản nợ phải thu khó đòi của Công ty

STT	Đối tượng nợ	Năm phát sinh	Số tiền	Ghi chú
1	Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Hòa Bình – THT	2011	11.273.521.829	QĐ thi hành án theo yêu cầu số 03/QĐ-CCTHADS ngày 31/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình về việc chưa có điều kiện thi hành án, QĐ số 04/2019/KDTM-ST ngày 10/09/2019 của Tòa án Nhân dân TP Hòa Bình đưa vụ án ra xét xử.
2	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi và thủy sản Thăng Long	2012	615.005.776	QĐ thi hành án theo yêu cầu số 390/QĐ-CCTHADS ngày 19/07/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lâm.
3	Cty cổ phần sản xuất và TM Khánh An	2014	9.138.967.100	QĐ thi hành án theo yêu cầu số 08/QĐ-CCTHADS ngày 02/04/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh và QĐ về việc chưa có điều kiện thi hành án số 11/QĐ-CCTHADS ngày 30/05/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh.
Tổng cộng			21.027.494.705	

- Vậy, Công ty cần tiếp tục đối chiếu, có biện pháp xử lý thu hồi nợ theo đúng quy định.

6.2.4. Về các khoản phải trả

- Hiện nay, Công ty còn 02 khoản nợ phải trả: (i) Khoản tiền thuế phải trả của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên được Cục thuế Hà Nội khoan nợ từ các năm trước khi sáp nhập các đơn vị với số tiền là 1.347.672.654 đồng; (ii) Khoản phải trả ngân sách khi Công ty bán đất tại khu vực Đông Anh với số tiền là 1.812.716.957 đồng, nhưng vẫn chưa có thông báo nộp tiền của Sở Tài chính. Công ty cần tìm biện pháp để xử lý theo đúng quy định.

(Thông tin chi tiết xem tại Biên bản thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên khi cổ phần hóa theo phương pháp tài sản và phương pháp chiết khấu dòng tiền thuần vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019.)

7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

7.1. Đất đai

Thực trạng sử dụng đất và diện tích sử dụng đất trước khi cổ phần hóa như sau:

Bảng 7: Tổng hợp số liệu đất đang quản lý, sử dụng theo địa bàn trước cổ phần hóa

TT	Địa bàn/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất quản lý (m ²)		Hồ sơ pháp lý	Hình thức quản lý sử dụng đất trước CPH	Mục đích sử dụng đất trước cổ phần hóa
		Đất	Sàn sử dụng			
I	Hà Nội	649	1.607.5			
1	Số 373 Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	366,4	1.336,9	+ GCN quyền sử dụng đất số BL 868973 do UBND TP. Hà Nội cấp ngày 10/12/2013. Thời hạn sử dụng: 50 năm kể từ ngày 15/10/1993.	Sử dụng riêng (thuê đất trả tiền hàng năm)	Sử dụng làm dịch vụ, khách sạn và văn phòng làm việc
2	Cơ sở nhà, đất tầng 1, nhà chung cư, khu tập thể Nguyễn Công Trứ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	62	50	+ Hợp đồng thuê đất số 229-245/ĐC-BĐ-HĐTĐ ngày 26/7/1996 giữa Sở địa chính nhà đất Hà Nội và Cửa hàng kinh doanh lương thực số 3 (đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên);	Sử dụng riêng (thuê đất trả tiền hàng năm)	Sử dụng làm cửa hàng kinh doanh, giới thiệu sản phẩm và bán hàng tiêu dùng của Công ty
3	Tầng 1 số 51 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	25	25	+ HĐ thuê đất số 459/XNHB/HTNCD ngày 10/03/2017 Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội và Công ty TNHH MTV lương thực Lương Yên kèm theo Phụ lục Hợp đồng thuê nhà đất ngày 15/05/2018; Thời hạn thuê đến ngày 03/12/2019. Hiện Công ty đang chờ Công ty Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội ký (gia hạn) hợp đồng;	Thuê nhà của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội	Sử dụng làm cửa hàng kinh doanh, giới thiệu sản phẩm và bán hàng tiêu dùng của Công ty
4	Số 157 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội	167,1	167,1	+ HĐ thuê nhà, đất số 250/XNĐĐ/HTNCD Ngày 13/8/2014 giữa Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội và Công ty TNHH MTV lương thực Lương yên kèm theo Phụ lục hợp đồng thuê nhà, đất ngày 15/5/2018. Thời hạn thuê đến ngày 31/12/2018. Hiện Công ty đang chờ Công ty Quản lý và Phát	Thuê nhà của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội	Sử dụng làm cửa hàng kinh doanh, giới thiệu sản phẩm và bán hàng tiêu dùng của Công ty

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

				triển nhà Hà Nội ký (gia hạn) hợp đồng.		
5	Tầng 1 số 45 Lò Đức, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	28,5	28,5	+ Công văn số 792/QL&PTN-QLN ngày 12/4/2017 của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội - UBND thành phố Hà Nội v/v Nhà chuyên dùng thuộc sở hữu Nhà Nước tại số 45 phố Lò Đức, quận Hai Bà Trưng. Hiện Công ty đang chờ Công ty Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội ký hợp đồng.	Thuê nhà của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội	Sử dụng làm cửa hàng kinh doanh, giới thiệu sản phẩm và bán hàng tiêu dùng của Công ty
II	Tiền Giang	1.478	615,6			
1	Cơ sở nhà đất tại Huyện Cái Bè, Tiền Giang - Đất lâu năm	770		+ Quyết định 595/QĐ-UB ngày 20/03/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giao đất cho Công ty Lương thực cấp I Lương Yên, nay là Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên;	Đất được sử dụng theo thời hạn từ 20/03/1999 đến 20/03/2019	Sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
1	Cơ sở nhà đất tại Huyện Cái Bè, Tiền Giang - Đất xây dựng	708	615,6	+ GCN quyền sử dụng đất số M 115111 do UBND tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/03/1999;	Đất sử dụng lâu dài	

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên

Quỹ đất thuộc đối tượng phải sắp xếp theo quy định để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên Việt Nam gồm Quỹ đất do Văn phòng Công ty trực tiếp quản lý là: 649 m² đất (1.607,5 m² sàn sử dụng) trên địa bàn Hà Nội.

7.2. Tài sản cố định chủ yếu của doanh nghiệp

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tại 31/12/2019 như sau:

Bảng 8: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2019

Đơn vị: đồng

STT	Loại tài sản	Giá trị theo sổ sách		Giá trị xác định lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	TSCĐ đang dùng	9.672.070.750	5.538.463.150	12.137.536.358	8.192.579.615
I	TSCĐ hữu hình	9.672.070.750	5.538.463.150	12.137.536.358	8.192.579.615
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.793.177.420	4.898.885.712	10.258.643.028	7.123.553.837

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Loại tài sản	Giá trị theo sổ sách		Giá trị xác định lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
2	Máy móc, thiết bị	-	-	-	-
3	Phương tiện vận tải	1.831.293.330	639.577.438	1.831.293.330	1.059.505.778
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	47.600.000	-	47.600.000	9.520.000
5	TSCĐ khác	-			
II	TSCĐ thuê tài chính	-		-	-
III	TSCĐ vô hình	-		-	-
B	TSCĐ không cần dùng	-	-	-	-
C	TSCĐ chờ thanh lý	-	-	-	-
D	Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
E	Tài sản khác	-	-	-	-
Tổng cộng		9.672.070.750	5.538.463.150	12.137.536.358	8.192.579.615

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên tại ngày 31/12/2019

- Máy móc, thiết bị: Không có
- Phương tiện vận tải

Bảng 9: Tình hình Phương tiện vận tải tại thời điểm 31/12/2019

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị theo sổ sách		Giá trị xác định lại	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Xe ô tô NISSAN 29A – 13.257 (đã sửa chữa vào tháng 4/2017 với chi phí là 110 triệu đồng)	1	872.727.272	10.490.726	872.727.272	357.818.182
2	Xe Camry 29A-20742	1	90.860.240	-	90.860.240	-
3	Hệ thống điều hòa và thanh máy 373 BM	1	867.705.818	629.086.712	867.705.818	701.687.596
Tổng cộng			1.831.293.330	639.577.438	1.831.293.330	1.059.505.778

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên tại ngày 31/12/2019

Bảng 10: Thực trạng tài sản cố định theo giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2020

Đơn vị: Đồng

STT	Tài sản cố định	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ Giá trị còn lại/ Nguyên giá
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	6.897.185.858	4764262644	69,1%
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.831.293.330	542316128	29,6%
3	Thiết bị dụng cụ quản lý	47.600.000	0	0,0%
Tổng		8.776.079.188	5.306.578.772	60,5%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 với nguyên giá là: 1.338.372.891 đồng

8. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết

8.1. Công ty mẹ

Tổng công ty Lương thực Miền Bắc (Vinafood1)

- Địa chỉ: Số 6 phố Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0100102608 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14/02/2020.
- Vốn điều lệ: 4.359.390.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn gạo; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống;...
- Tỷ lệ vốn thực góp của Vinafood1 tại Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên: 100%

8.2. Công ty con và công ty liên doanh, liên kết

- Công ty con: Không có
- Công ty liên doanh, liên kết: Không có

9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm trước cổ phần hóa

9.1. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

9.1.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

a. Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận sản phẩm qua các năm

Bảng 11: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty năm 2018-2020

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2018		2019		2020	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1	Doanh thu bán hàng hóa	357,40	99,35%	189,60	98,67%	240,83	99,04%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,33	0,65%	2,55	1,33%	2,32	0,96%
Tổng		359,73	100,00%	192,15	100,00%	243,15	100,00%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên

Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty năm 2018-2020

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2018		2019		2020	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1	Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (*)	8,82	2,45%	6,54	3,40%	6,36	2,62%
Tổng		8,82	2,45%	6,54	3,40%	6,36	2,62%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên

Lưu ý: (*) Hiện nay công ty đang thực hiện tính toán gộp chi phí giá vốn từ bán hàng hóa với chi phí giá vốn cung cấp dịch vụ, vì vậy lợi nhuận gộp của Công ty không thể phân tách theo cơ cấu được. Trong năm 2020, ước lượng lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa chiếm khoảng 70% trong tổng lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Đối với hoạt động bán hàng hóa:**Bảng 13: Sản lượng gạo mua vào và bán ra của Công ty từ năm 2018 – 2020**

Đơn vị: tấn

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	2020
1	Lượng gạo mua vào	38.302	24.696	25.277
2	Lượng gạo bán ra	39.347	23.610	26.176

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên

- Gạo là mặt hàng kinh doanh chính của Công ty. Hoạt động bán buôn gạo của Công ty trong những năm gần đây tương đối biến động. Trong năm 2018, doanh thu từ gạo đạt 357,40 tỷ đồng, tuy nhiên trong năm 2019 doanh thu này đã giảm gần một nửa xuống còn 189,60 tỷ đồng. Trong năm 2020 doanh thu đối với hoạt động này đã tăng trở lại và đạt mức 240,83 tỷ đồng. Trong những năm gần đây, Công ty đã thực hiện các chính sách nhằm thu gọn mô hình hoạt động, cắt giảm nhân viên cũng như tạm dừng chi nhánh tại Hưng Yên, một số chi nhánh tại Hà Nội... nên do đó doanh thu toàn Công ty giảm đáng kể. Do giá vốn mặt hàng này cao và thường xuyên biến động nên dẫn tới biên lợi nhuận gộp tương đối thấp. Đồng thời do thị trường kinh doanh lương thực nói chung tại thị trường trong nước và quốc tế ngày càng khó khăn khi hội nhập kinh tế quốc tế nên khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước như Công ty Lương thực Lương Yên thấp hơn nhiều so với doanh nghiệp tư nhân. Hiện tại Công ty không trực tiếp xuất khẩu gạo mà đơn thuần là đơn vị cung ứng nguồn để Tổng công ty Lương thực Miền Bắc xuất khẩu gạo.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ:

- Các hoạt động cung cấp dịch vụ chủ yếu dưới dạng hợp tác kinh doanh. Dựa vào công tác rà soát lại giá hợp đồng hợp tác kinh doanh, cập nhật tình hình giá thị trường và các biện pháp tăng cường quản lý giám sát và giao khoán, đơn giá hợp đồng cho thuê của các địa điểm nhà đất có cơ hội cải thiện nhằm giúp Văn phòng Công ty tận dụng được tối đa nguồn lực nhà đất và tăng doanh thu.

Bảng 14: Đơn giá hợp đồng trung bình của một số địa điểm nhà đất

STT	Địa bàn / Địa chỉ nhà đất	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Đơn giá hợp đồng cho thuê trung bình / tháng / m ² (VNĐ)
1	Số 157 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội	167,1	324.244
2	Tầng 1 số 51 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	25	600.636
3	Số 373 Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	366,4	104.618
4	Tầng 1 số 45 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	28,5	217.783
5	Cơ sở nhà, đất tầng 1, nhà chung cư, khu tập thể Nguyễn Công Trứ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	50	109.091

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên

b. Nguyên vật liệu

- Đối với hoạt động bán buôn gạo, Công ty nhập gạo chủ yếu từ các đối tác là thuộc cùng Tổng công ty Lương thực Miền Bắc như: Chi nhánh TCT Lương thực Miền Bắc tại

TP Hồ Chí Minh; Trung tâm nghiên cứu và phát triển gạo Việt – Chi nhánh TCT Lương thực Miền Bắc...

- Do tình hình dịch bệnh Covid 19 kéo dài, cùng với nhu cầu về gạo gia tăng nên giá gạo tăng mạnh, ảnh hưởng lớn đến tình hình nhập gạo của Công ty. Hiện tại, chi phí nguyên vật liệu đang chiếm khoảng từ 45% đến 55% chi phí giá vốn hàng bán, vì vậy với việc giá gạo đầu vào biến động tác động lớn trực tiếp tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

c. Chi phí sản xuất

Bảng 15: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2018-2020

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	2018		2019		2020	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	350.908.597.950	97,55%	185.618.422.821	96,60%	236.794.561.300	97,38%
2	Chi phí tài chính	82.989.453	0,02%	183.665.754	0,10%	92.171.088	0,04%
3	Chi phí bán hàng	3.567.739.732	0,99%	2.491.321.406	1,30%	1.925.920.184	0,79%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.346.321.850	1,76%	5.591.382.883	2,91%	5.365.854.006	2,21%
5	Chi phí khác	46.438.776	0,01%	226.704.053	0,12%	267.500.552	0,11%
Tổng chi phí		360.952.087.761	100,34%	194.111.496.917	101,02%	244.446.007.130	100,53%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên

- Nhìn chung, Công ty đang gặp phải áp lực tương đối lớn về chi phí. Tổng doanh thu thu được của Công ty không đủ để bù đắp được các khoản chi phí chi tiêu trong năm gây ra tình trạng thua lỗ trong những năm gần đây, giảm năng lực cạnh tranh của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

- Hiện nay, giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty. Từ năm 2018 đến 2020, tỷ trọng giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trên doanh thu thuần thường duy trì ở mức khoảng 97%. Gánh nặng về chi phí giá vốn hàng bán là nguyên nhân chính dẫn tới tổng chi phí của cả doanh nghiệp luôn duy trì ở mức cao, từ đó dẫn tới hiệu quả trong hoạt động kinh doanh sụt giảm, thậm chí ghi nhận lỗ trong một số năm gần đây.

d. Trình độ công nghệ

- Công ty đang đẩy mạnh áp dụng hệ thống công nghệ hiện đại vào quản trị doanh nghiệp, đầu tư các phần mềm quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác tổ chức sản xuất kinh doanh, kế toán nhằm quản lý chặt chẽ hàng hóa, tài sản, tiền vốn, chi phí.

e. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

- Hiện tại, Công ty đang áp dụng các quy trình quản lý sản xuất tiêu chuẩn, giám sát chặt chẽ để giữ ổn định chất lượng gạo và nông sản cho nhưng lô hàng xuất khẩu, tận dụng các nguồn hỗ trợ về nguồn cung của Tổng công ty để nâng cao số lượng xuất khẩu. Công ty có nhân viên kiểm phẩm để phụ trách công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm nhập vào, xuất ra, và đảm bảo chất lượng an toàn của gạo.

f. Hoạt động Marketing

- Hiện tại công ty chưa đầu tư nhiều vào hoạt động marketing. Dự kiến khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Công ty sẽ thúc đẩy mạnh hơn nữa hoạt động marketing để mở rộng thị trường.

g. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Không có

i. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 16: Danh sách Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết bởi Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên

Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (VND)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm cung cấp	Đối tác trong Hợp đồng
HĐ mua bán gạo XK số 162/20/HĐKT-ĐN	10.050.000.000	Từ 27/05/2020 đến 31/07/2020	Gạo trắng VN XK 5% tấm	TCT Lương thực Miền Bắc
HĐ mua bán gạo XK số 543/20/HĐKT-ĐN	11.020.000.000	Từ 22/12/2020 đến 28/02/2021	Gạo trắng VN XK 5% tấm	TCT Lương thực Miền Bắc

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên

9.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 - 2020

Bảng 17: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 - 2020

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020
1. Tổng giá trị tài sản	Đồng	61.158.794.064	59.610.050.876	39.162.751.047
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán (Vốn chủ sở hữu)	Đồng	36.246.146.625	35.445.058.936	35.460.162.277
3. Nợ vay ngắn hạn	Đồng	-	-	-
Trong đó, nợ quá hạn	Đồng	-	-	-
4. Nợ vay dài hạn	Đồng	-	-	-
Trong đó, nợ quá hạn	Đồng	-	-	-
5. Nợ phải thu khó đòi	Đồng	21.027.494.705	21.027.494.705	21.027.494.705

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020
6. Tổng số lao động	Người	37	36	35
7. Tổng quỹ lương	Đồng	3.001.600.760	2.969.859.400	5.310.987.600
8. Thu nhập bình quân 1 người/ tháng	Đồng	6.760.362	6.874.675	12.645.209
9. Tổng doanh thu	Đồng	361.082.423.106	193.681.665.681	244.554.610.835
10. Tổng chi phí	Đồng	360.952.087.761	194.482.753.370	244.539.507.494
11. Lợi nhuận trước thuế	Đồng	130.335.345	(429.831.236)	108.603.705
12. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	130.335.345	(801.087.689)	15.103.341
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước (*)	%	0,36%	(2,23%)	0,04%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và năm 2020 của Công ty

Thông tin chi tiết về các khoản nợ phải thu khó đòi của Công ty:

STT	Tên khách hàng	31/12/2020		01/01/2020	
		Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)
1	Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Hòa Bình – THT	11.273.521.829	-	11.273.521.829	-
2	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương Mại Khánh An	9.138.967.100	-	9.138.967.100	-
3	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi và thủy sản Thăng Long	615.005.776	-	615.005.776	-
Tổng		21.027.494.705	-	21.027.494.705	-

- Hiện nay, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ số nợ phải thu khó đòi nêu trên. Với tình trạng công nợ khó đòi còn tồn đọng làm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng giảm sút và dẫn tới tình trạng lỗ kéo dài.

+ Theo Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ quy định: “Số dư các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi (nếu có) tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được sử dụng để bù đắp các tổn thất theo quy định hiện hành, số còn lại hoàn nhập vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để cổ phần hóa”. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2019, Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên có khoản dự phòng hoàn nhập vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh gồm Dự phòng Phải thu ngắn hạn khó đòi: **21.027.494.705** đồng.

9.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

9.3.1. Thuận lợi

- Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên được Tổng công ty Lương thực Miền Bắc hỗ trợ kinh doanh trong ngành nông sản:

+ Tổng công ty Lương thực miền Bắc là đơn vị kinh doanh lương thực lâu đời và nổi tiếng tại Việt Nam với những mặt hàng chủ đạo như gạo, nông sản (ngô, sắn lát), muối, ... Do đó Tổng Công ty luôn có sẵn nguồn lực, điều kiện cơ sở vật chất, đầu mối thị trường và nguồn cung ứng nguyên liệu để hỗ trợ Công ty Lương thực Lương Yên hoạt động kinh doanh trong ngành nông sản.

+ Với hệ thống các đơn vị phụ thuộc, công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty trải rộng trên khắp cả nước, đang chuyên môn hóa trong lĩnh vực kinh doanh các mặt hàng nông sản, Công ty Lương thực Lương Yên có thể dễ dàng tận dụng mạng lưới và sự liên kết hỗ trợ giữa các đơn vị thành viên nhằm tạo điều kiện phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh nông sản.

9.3.2. Khó khăn

- Về vốn, cơ sở vật chất:

+ Nguồn vốn của Công ty có hạn, trong khi Chi nhánh tại Đồng Bằng Sông Cửu Long có nhu cầu lớn về vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh và đầu tư vào dây chuyền sản xuất.

+ Hiện tại cơ sở vật chất chính của Văn phòng Công ty là tài sản nhà đất tại 373 Bạch Mai. Tòa nhà được xây dựng đã lâu, thiết kế lỗi thời nên việc khai thác công năng sử dụng của tòa nhà là hạn chế.

+ Doanh thu chính của Công ty xuất phát từ hoạt động kinh doanh và sản xuất gạo, nhưng địa điểm sản xuất kinh doanh chính tại Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long vẫn là tài sản đi thuê. Vì vậy việc kinh doanh sản xuất gạo không được ổn định và chưa phù hợp để xây dựng chiến lược kinh doanh lâu dài.

- Về nhân lực: Tuổi đời của người lao động trong Công ty cao, thuộc đối tượng nhân lực già nên khả năng tiếp cận cơ cấu tổ chức, phương án kinh doanh mới có nhiều hạn chế. Vì vậy Công ty cần nghiên cứu đến đội ngũ người lao động kế cận, có trình độ đáp ứng được nhu cầu đặt ra.

- Về thị trường:

- + Thị trường kinh doanh gạo ngày càng khó khăn và khốc liệt. Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước yếu hơn các doanh nghiệp tư nhân.
- + Giá cả chung trên thị trường có nhiều biến động tăng giảm thất thường nên ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh, từ đó tác động tới lợi nhuận của Công ty.
- + Các điểm đất thuộc quyền sở hữu của Nhà nước không ổn định về cơ sở pháp lý, do cơ chế quản lý tài sản công của Nhà Nước nên để xây dựng phương án kinh doanh lâu dài từ các cơ sở nhà đất đi thuê là khó khăn và nhiều rủi ro khi đầu tư mới.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- Công ty là đơn vị có truyền thống và lịch sử hoạt động lâu đời. Đây là căn cứ và tiền đề quan trọng để Công ty phát huy và tiếp tục phát triển sau cổ phần hóa.
- Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc, là một trong những nguồn cung ứng gạo uy tín tại Việt Nam.
- Nguồn nhân lực của Công ty có thâm niên và trình độ quản lý sẽ tạo bước đệm tốt để Công ty xây dựng và tổ chức sản xuất kinh doanh sau cổ phần.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Đối với thị trường nội địa:

- Quy mô thị trường gạo nội địa có xu hướng giảm dần đến cuối năm 2020 xuống còn 11,1 triệu tấn (tương đương 122,21 tỷ VND). Theo thống kê của Bộ Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn (Bộ NN&PTNT), người dân có xu hướng giảm dần tỷ lệ sử dụng gạo. Trong đó tỷ lệ giảm ở thành thị có xu hướng nhanh hơn so với khu vực nông thôn.
- Kênh phân phối truyền thống (thông qua các cửa hàng, đại lý gạo...) vẫn chiếm tỷ trọng chính, hơn 96%. Kênh phân phối hiện đại (siêu thị) vẫn chiếm tỷ trọng khá thấp.
- Hiện tại, nhu cầu chính của thị trường nội địa vẫn là gạo giá thấp và nhóm sản phẩm này có tính cạnh tranh gay gắt về giá giữa các đối thủ. Tuy nhiên, người tiêu dùng có xu hướng quan tâm đến gạo có thương hiệu và có lợi cho sức khỏe, người tiêu dùng ra quyết định không chỉ dựa trên giá mà còn dựa trên các yếu tố lợi ích sản phẩm, chăm sóc khách hàng, nhưng xu hướng chuyển dịch này chưa cao. Ngoài ra, người tiêu dùng nội địa cũng có xu hướng thích các loại gạo đặc sản. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Ngành Lương thực, thị trường gạo thương hiệu có quy mô khoảng 400 nghìn tấn/ năm.

Đối với thị trường xuất khẩu:

- Hàng năm, Việt Nam xuất khẩu từ trên 6-7 triệu tấn gạo tới hơn 30 quốc gia và vùng lãnh thổ. Năm 2020, gạo là điểm sáng trong các mặt hàng nông sản xuất khẩu, giá trị xuất khẩu gạo tăng trưởng mạnh, đặc biệt giá gạo liên tục tăng đã đánh dấu mức tăng lịch sử trong khoảng một thập kỷ qua. Xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt 6,25 triệu tấn với giá trị

ước đạt trên 3,12 tỷ USD, tăng 11,18% về giá trị mặc dù khối lượng gạo xuất khẩu giảm khoảng 1,91% so với cùng kỳ năm 2019.

- Thống kê cho thấy, trong năm 2020, châu Á vẫn là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam, kế tiếp là châu Phi. Tuy nhiên, những tín hiệu mới từ thị trường châu Âu lại chính là điểm nhấn trong xuất khẩu gạo của Việt Nam kể từ khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) chính thức có hiệu lực. Trong đó, nhiều thị trường có lượng gạo xuất khẩu tăng mạnh như Pháp, Tây Ban Nha. Đặc biệt, giá gạo xuất khẩu vào EU cũng có sự tăng trưởng mạnh mẽ, cụ thể trước khi EVFTA có hiệu lực, giá gạo ST 20 xuất khẩu sang EU khoảng 800 USD/tấn, gạo Jasmine là 520 USD/tấn, thì giờ đây mức giá tương đương là hơn 1.000 USD và 600 USD.

- Việc gia nhập Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) sẽ tạo điều kiện thuận lợi xuất khẩu gạo trong tương lai. Theo định hướng của Hiệp hội Lương thực Việt Nam, năm 2021 ngành gạo tiếp tục đảm bảo kim ngạch xuất khẩu phải xấp xỉ và cao hơn năm 2020 với sản lượng tương đương. Mặc dù dự báo việc tiếp cận thị trường mới gặp rất nhiều khó khăn do tình hình dịch COVID-19, nhưng thông qua các thương vụ Việt Nam tại nước ngoài, Hiệp hội đã xây dựng các kênh chào hàng trực tuyến, tham gia các hội thảo thương mại trực tuyến; khai thác qua các kênh thương vụ các nước sở tại để phát triển ngành hàng gạo. Chất lượng sản phẩm cũng ngày càng phải trù trọng để đáp ứng những thị trường khắt khe như Châu Âu, Úc, Canada, Mỹ,... Các doanh nghiệp xuất khẩu gạo cần đạt được các chứng chỉ quan trọng như USDA của Mỹ, Global GAP,... nhằm đáp ứng chất lượng gạo xuất khẩu trên thế giới.

10.3.Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

- Định hướng về phát triển của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới. Thông qua việc chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, Công ty sẽ huy động được các nguồn lực trong xã hội về cả vốn lẫn nhân lực từ mọi tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước. Các pháp nhân, cá nhân tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp giúp đổi mới và phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương, thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp, tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

1.1. Thông tin cơ bản

Tên tiếng Việt	: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC LƯƠNG YÊN
Tên tiếng Anh	: LUONG YEN FOOD JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: CÔNG TY LƯƠNG THỰC LƯƠNG YÊN
Địa chỉ trụ sở chính	: Số 373 phố Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	: (84) 24 3971 6894
Fax	: (84) 28 3821 9889

1.2. Hình thức pháp lý

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Lương Yên sau cổ phần hóa sẽ là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, tổ chức và hoạt động theo điều lệ của Công ty Cổ phần Lương thực Lương Yên; Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác liên quan.

- Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa: Kế thừa các ngành nghề theo Giấy ĐKKD số 0105927553 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, cấp lần đầu ngày 25/06/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 2: ngày 11/08/2017, Giấy xác nhận Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2017 và ngày 04/06/2018, ngành nghề kinh doanh của Công ty dự kiến sẽ như sau:

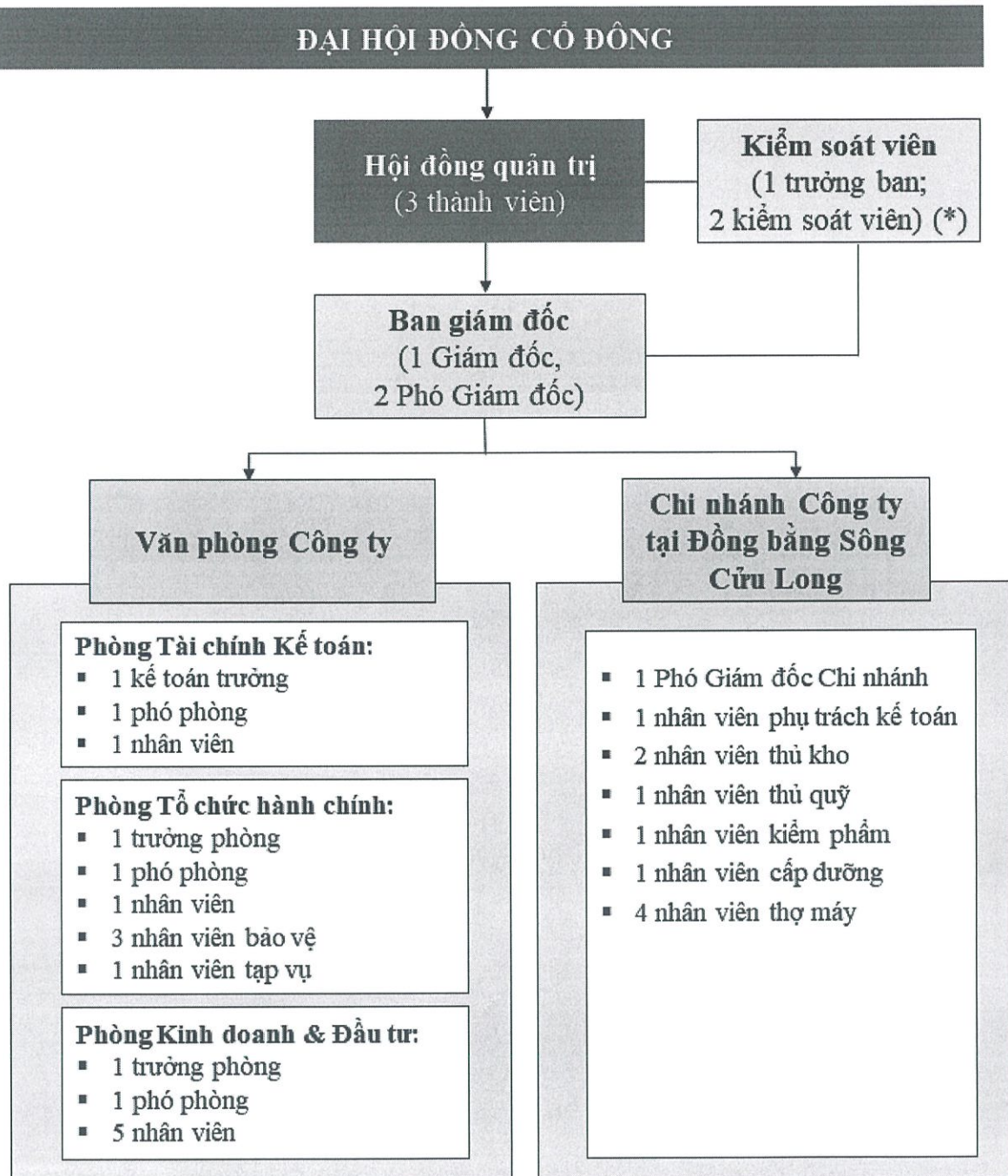
Bảng 18: Các ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh sau cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620 (Chính)
2	Bán buôn gạo	4631
3	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
4	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
5	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730

STT	Tên ngành	Mã ngành
6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
7	Dịch vụ ăn uống khác	5629
8	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa	4669
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ	5221
13	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
14	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
15	Đại lý du lịch	7911
16	Điều hành tua du lịch	7912
17	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
20	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4663
21	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng	6810
22	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Chế biến lương thực, nông sản	1061
23	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
24	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty Lương thực Lương Yên sau cổ phần hóa

Sơ đồ 2: Cơ cấu tổ chức của Công ty Lương thực Lương Yên sau cổ phần hóa



- Tổng số lượng nhân sự là 32 người, trong đó không bao gồm:
- + 01 Chủ tịch HĐQT là người đại diện phần vốn của TCT Lương thực Miền Bắc tại CTCP Lương thực Lương Yên.
- **Chú thích: (*)**: Số lượng nhân sự trong Ban kiểm soát có thể dao động từ 1-3 người tùy thuộc vào hoạt động và tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa.

Bảng 19: Điểm điều chỉnh chính trong cơ cấu tổ chức

STT	Mô tả Khuyến nghị	Hiện trạng và giải thích Khuyến nghị
Khuyến nghị 1	Giải thể phòng Dịch vụ	
	Giải thể phòng Dịch vụ do phòng không còn chức năng nhiệm vụ phù hợp với mô hình mới và chuyển giao phần còn lại của phòng Dịch vụ cho phòng Kinh doanh & Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tại, Công ty Lương thực Lương Yên chủ yếu tập trung kinh doanh trong lĩnh vực lương thực, nông sản, đồng thời đã chấm dứt khai thác nhiều các ngành nghề phụ trợ như kinh doanh bến xe, xăng dầu, kho bãi... - Do đó, phòng Dịch vụ nên được giải thể nhằm tinh gọn, giảm thiểu sự chồng chéo và trùng lặp nhiệm vụ trong sơ đồ tổ chức. Còn chức năng khai thác các hoạt động phụ trợ khác sẽ được điều chuyển về phòng Kinh doanh & Đầu tư để tiếp tục khai thác. - Ngoài ra, trọng tâm của Phương án Kinh doanh sau Cổ phần hóa là tiếp tục phát triển, khai thác mảng sản xuất gạo; tăng cường giao khoán các địa điểm kinh doanh và mở rộng hoạt động kinh doanh ngành nông sản. Nên các nhân sự của phòng Dịch vụ, nếu phù hợp với các tiêu chí chọn lọc lao động của phòng Kinh doanh & Đầu tư, sẽ được điều chuyển sang phòng Kinh doanh & Đầu tư để tiếp tục phát huy các thế mạnh của mình và thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ kinh doanh. Còn lại các nhân sự không phù hợp với các tiêu chí chọn lọc được đề ra, sẽ được giải quyết dôi dư theo chế độ.

1.3.1. Chức năng nhiệm vụ của các vị trí tại Văn phòng Công ty

Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận tại Văn phòng Công ty được quy định rõ ràng trong điều lệ của Công ty. Chức năng, nhiệm vụ cơ bản được thực hiện như sau:

a. Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

b. Hội đồng quản trị

- HĐQT là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà ĐHĐCĐ giao tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề của ĐHĐCĐ.

c. Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn;

- Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

d. Giám đốc

- Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

e. Phó Giám đốc

- Các Phó Giám đốc điều hành Công ty theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

f. Kế toán trưởng

- Kế toán trưởng do Giám đốc đề nghị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Kế toán trưởng giúp Giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

g. Phòng Tài chính Kế toán

- Thực hiện những công việc về nghiệp vụ chuyên môn theo đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực tài chính và kế toán;

- Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty một cách kịp thời, đầy đủ đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể là các nghiệp vụ liên quan: Kế toán vốn bằng tiền; Kế toán tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ...; Kế toán công nợ; Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính và Các hoạt động kế toán khác;

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của tất cả các loại chứng từ, hoàn chỉnh thủ tục trước khi trình Lãnh đạo duyệt. Thực hiện việc ghi chép và hạch toán đúng, đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với Quy chế tài chính của Công ty và quy định của Pháp luật;

- Thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Thực hiện kịp thời, đầy đủ công tác thống kê, kế hoạch tài chính theo quy định của công ty;

-
- Lập báo cáo tài chính theo quý, năm theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Tham gia thực hiện và trực tiếp quản lý công tác đầu tư tài chính, cho vay tại Công ty;
 - Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về việc chỉ đạo thực hiện hoặc trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và chấp hành chế độ tài chính kế toán của Nhà nước và của nội bộ Công ty;
 - + Lập kế hoạch và kiểm tra kế hoạch chi tiêu đảm bảo đúng các quy định về định mức chi tiêu của Nhà nước và của Công ty để hoạt động kinh doanh được hiệu quả;
 - + Xây dựng các quy định nội bộ về quản lý tài chính: quy trình thu, chi kinh doanh; quản lý tiền vốn, công nợ; Các loại định mức như định mức hàng tồn kho, hao hụt, tiền lương,... áp dụng trong Công ty và kiểm tra việc chấp hành các quy định nội bộ này;
 - + Xây dựng báo cáo quản trị trình Ban lãnh đạo, tham mưu cho Ban lãnh đạo trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính kế toán của Công ty và thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc;
 - Nghiên cứu và đề xuất với Lãnh đạo Công ty các biện pháp quản lý hoạt động kinh doanh đảm bảo chấp hành tốt đúng chế độ hiện hành và phù hợp với đặc điểm, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để đạt hiệu quả cao nhất.

h. Phòng Tổ chức Hành chính

- Nghiên cứu, đề xuất với lãnh đạo Công ty về việc thành lập bộ máy tổ chức của Công ty như thành lập các phòng ban, đơn vị trực thuộc nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
- Nghiên cứu, vận dụng và đề xuất các chế độ chính sách đối với cán bộ như: tuyển dụng, phân công, điều động, bổ nhiệm, nâng bậc, nâng lương, kỉ luật cán bộ... hưu trí và các chế độ khác đối với người lao động;
- Theo dõi thống kê nhân sự, quản lý và bổ sung hồ sơ cán bộ công nhân viên hàng năm theo quy định và yêu cầu của các cơ quan quản lý cấp trên;
- Xây dựng kế hoạch đào tạo dài hạn, ngắn hạn và tuyển chọn cán bộ để cử đi đào tạo, nhằm bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ và công tác quản lý đối với CBCNV;
- Xây dựng và cùng các phòng chức năng khác bảo vệ kế hoạch lao động tiền lương hàng năm theo hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên;
- Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các hình thức tính lương, thưởng và các khoản thù lao, phụ cấp đúng chính sách chế độ đối với người lao động;
- Thống kê và lập các báo cáo theo dõi tiền lương và thu nhập của cán bộ công nhân viên;
- Các công tác về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.... tính mức trích nộp hàng tháng, quý, năm;

- Theo dõi chế độ nghỉ phép, nghỉ ốm, thai sản của CBCNV, tập hợp hồ sơ và đề nghị giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội;
- Thực hiện, đề xuất công tác bảo hộ lao động;
- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thư ký Hội đồng quản trị, quan hệ cổ đông (công bố thông tin);
- Các công tác hành chính: Văn thư, quản lý con dấu, quản lý lưu trữ tài liệu, bảo mật, đánh máy, in ấn tài liệu, phục vụ thông tin liên lạc, quản lý và điều hành phương tiện làm việc cho các phòng ban, bảo vệ thường trực Công ty. Thực hiện các công việc tạp vụ, quản lý tài sản khối văn phòng Công ty;
- Giao dịch, tiếp khách hoặc hướng dẫn khách đến làm việc với lãnh đạo Công ty;
- Thực hiện công việc hành chính đột xuất khi có yêu cầu của lãnh đạo Công ty;

i. Phòng Kinh doanh & Đầu tư

- Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Công ty trong các hoạt động sau:
 - + Kinh doanh lương thực, nông sản nội địa và trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh lương thực, nông sản theo Phương án kinh doanh được lãnh đạo Công ty phê duyệt;
 - + Kinh doanh bán lẻ tại các cửa hàng chuyên dùng đi thuê của Nhà Nước đảm bảo an toàn về vốn và tài sản được giao;
 - + Kinh doanh, đầu tư trên quỹ mặt bằng hiện có tại toà nhà 373 Bạch Mai;
 - + Lập phương án kinh doanh, đầu tư ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu đánh giá và dự báo nhu cầu thị trường về kinh doanh lương thực, nông sản nội địa và các hàng hoá tiêu dùng. Xây dựng, lập phương án kinh doanh ngắn, trung và dài hạn;
- Triển khai thực hiện chỉ đạo định hướng phát triển kinh doanh và đầu tư của công ty. Khảo sát, thăm dò, tìm hiểu tiếp cận đánh giá tình hình thị trường lĩnh vực mặt hàng, ngành nghề Công ty đang hoạt động và định hướng trong tương lai;
- Nghiên cứu, đề xuất với Lãnh đạo Công ty các phương án mở rộng ngành nghề, mặt hàng, đổi mới các hoạt động kinh doanh hàng hoá cho phù hợp với các cửa hàng nhà chuyên dùng đang thuê của Nhà Nước;
- Trực tiếp lập phương án kinh doanh trình lãnh đạo Công ty phê duyệt. Tổ chức thương thảo đàm phán, dự thảo các hợp đồng để thực hiện phương án kinh doanh đã được phê duyệt;
- Thực hiện chương trình bình ổn và đảm bảo an ninh lương thực khi được giao;
- Phối hợp với các phòng ban Công ty, các đơn vị trực thuộc để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- Các công việc khác khi được lãnh đạo Công ty giao.

1.3.2. Chức năng nhiệm vụ của các vị trí tại Chi nhánh Công ty tại Đồng Bằng Sông Cửu Long

- Thực hiện nhiệm vụ sản xuất và chế biến mặt hàng gạo xuất khẩu và gạo tiêu dùng nội địa nhằm phục vụ cho nhu cầu của Tổng Công ty Lương thực miền Bắc và các đối tác khác;
- Thực hiện công việc lưu trữ hàng hóa thành phẩm nhằm đảm bảo nguồn cung ứng và hoạt động kinh doanh của Công ty được kịp thời, hiệu quả;
- Phối hợp và tham vấn Phòng Kinh doanh và Đầu tư lập kế hoạch sản xuất và thực hiện công việc theo ngày, tuần, tháng;
- Điều phối và quản lý các phương tiện vận tải để thực hiện công tác vận chuyển hàng hóa;
- Quản lý việc kê khai thiết lập chứng từ xuất nhập kho phù hợp cho từng đơn hàng của Chi nhánh;
- Quản lý việc thực hiện, hoàn tất các thủ tục bán hàng theo quy định của công ty và luật pháp đảm bảo tính phù hợp pháp lý cho các hợp đồng/ đơn hàng;
- Tìm kiếm nguồn cung cấp nguyên liệu và đánh giá rủi ro của các nguồn cung cấp;
- Kiểm soát việc thu mua nguyên liệu: Số lượng, tiến độ hàng về đảm bảo phù hợp với kế hoạch sản xuất và yêu cầu giao hàng, tránh tồn kho, lưu kho gây lãng phí;
- Hạch toán kế toán và gửi báo cáo quyết toán về Văn phòng Công ty để tổng hợp;
- Theo dõi, giám sát hệ thống sổ sách, dữ liệu phản ánh chính xác công tác nhập xuất tồn tại kho thành phẩm;
- Phối hợp với Văn phòng Công ty thực hiện các công việc theo phân công và chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty.

2. Hình thức cổ phần hóa

2.1. Mục tiêu cổ phần hóa

- Theo chủ trương của Công ty mẹ - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Lương Yên thực hiện cổ phần hóa nhằm chuyển doanh nghiệp Nhà nước giữ 100% vốn thành công ty cổ phần;
- Công ty sau cổ phần hóa vẫn phải giữ tốt vai trò phát triển kinh tế, tăng trưởng bền vững gắn với an sinh xã hội;
- Cổ phần hóa Công ty nhằm đa dạng sở hữu, thu hút các thành phần kinh tế khác tham gia nhằm đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng tinh gọn và chuyên sâu, nâng cao năng lực tài chính, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng vốn, năng lực đầu tư sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy công tác điều hành, từng bước đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động;

- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

2.2. Yêu cầu cổ phần hóa

- Đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty Lương thực Lương Yên sau cổ phần hóa;

- Đảm bảo an toàn, không gây ra biến động lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động;- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

2.3. Hình thức cổ phần hóa

- Do vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa được xây dựng là 35,45 tỷ đồng, tương đương vốn Nhà nước hiện có theo sổ sách kế toán doanh nghiệp là 35,45 tỷ đồng nên hình thức cổ phần hoá lựa chọn là bán bớt một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp (35,45 tỷ đồng), theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, để bảo đảm mục tiêu sau cổ phần hóa Nhà nước giữ 51% vốn điều lệ Công ty.

Bảng 20: Tổng nhu cầu vốn của Công ty Lương thực Lương Yên sau cổ phần hóa

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THEO KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GTDN	5.538.463.150	Số liệu dựa trên giá trị sổ sách của doanh nghiệp.
B	NHU CẦU VỐN HÀNG HÓA PHỤC VỤ CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	29.906.595.786	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản vốn nhằm sản xuất và dự trữ khoảng 3.750 tấn hàng hóa nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau Cổ phần hóa; - Lượng hàng hóa này được lưu trữ tại kho Công ty ở Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long với công suất kho tối đa khoảng 5.000 tấn; - Đơn giá 8.000 VNĐ/kg trung bình mặt hàng gạo, tấm, cám được sử dụng để tính toán nhu

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
			cầu vốn dựa trên tìm hiểu thị trường và tham khảo ý kiến của đơn vị.
C	TỔNG NHU CẦU VỐN CHO HOẠT ĐỘNG SXKD	35.445.058.936	
	TỔNG NHU CẦU VỐN CHO HOẠT ĐỘNG SXKD LẪM TRÒN	35.445.060.000	

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên

3. Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2021-2023

Một số thông tin chủ yếu về kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa được xây dựng như sau:

3.1. Chiến lược kinh doanh

3.1.1. Định hướng chung cho toàn Công ty

- Tái cấu trúc, sắp xếp lại sơ đồ tổ chức và lực lượng lao động, tận dụng tối đa đội ngũ nhân sự và chuyên môn hóa hoạt động kinh doanh;
- Áp dụng hệ thống công nghệ hiện đại vào quản trị doanh nghiệp. Đầu tư các phần mềm quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác tổ chức sản xuất, kinh doanh, kế toán nhằm quản lý chặt chẽ hàng hoá, tài sản tiền vốn, chi phí;
- Xây dựng bộ quy chế quản lý nội bộ rõ ràng, cụ thể để các hoạt động của Công ty được trơn tru, hiệu quả;
- Mở rộng phạm vi kinh doanh và khai thác triệt để các tài sản nhà đất kinh doanh liên kết để tối đa hóa nguồn thu bù đắp chi phí; triệt để tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả;
- Tích cực tham gia chương trình bình ổn lưu thông;
- Đẩy mạnh cải tiến chất lượng sản phẩm gạo và các mặt hàng nông sản khác nhằm phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.

3.1.2. Định hướng cho Văn phòng Công ty

- Tăng cường quản lý giám sát, rà soát lại giá hợp đồng hợp tác kinh doanh, mở rộng phạm vi kinh doanh và tăng cường giao khoán tại 5 địa điểm nhà đất nhằm khai thác tối đa nguồn thu;

- Nghiên cứu thị trường và mở rộng hoạt động kinh doanh ngành nông sản;
- Xây dựng phát triển các kênh phân phối và tìm kiếm nguồn khách hàng nội địa để hỗ trợ tiêu thụ, giải quyết bài toán đầu ra cho các sản phẩm gạo mà Chi nhánh sản xuất;
- Tối ưu hóa lực lượng lao động nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và tiết kiệm chi phí;

3.1.3. Định hướng cho chi nhánh Công ty tại Đồng Bằng Sông Cửu Long

- Đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm kinh doanh thông qua việc phát triển thêm mảng kinh doanh nội địa;
- Đầu tư có chiều sâu các thiết bị, công nghệ tân tiến để tổ chức sản xuất sản phẩm gạo chất lượng cao, xây dựng thương hiệu riêng biệt để bán cho phân khúc thị trường nội địa và phục vụ xuất khẩu;

3.2. Mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2021 – 2023

- Xây dựng Công ty cổ phần phát triển vững mạnh trong các lĩnh vực: kinh doanh, sản xuất gạo cung ứng xuất khẩu và tiêu dùng nội địa; hợp tác kinh doanh; tham gia chương trình bình ổn lưu thông; kinh doanh nông sản...;
- Công ty tiếp tục duy trì mô hình kinh doanh gạo thông qua việc chủ động tìm kiếm, làm việc với các đối tác tiềm năng cũng như cung ứng xuất khẩu cho Tổng Công ty Lương thực miền Bắc;
- Những năm về sau sau cổ phần hóa, khi Công ty dần dần tự chủ trong hoạt động kinh doanh của mình và giảm thiểu lượng cung ứng xuất khẩu cho Tổng Công ty Lương thực miền Bắc, các nguồn thu khác (bao gồm kinh doanh nông sản và tự doanh gạo) được dự báo sẽ tăng trưởng;
- Các hoạt động hợp tác kinh doanh dựa trên các bất động sản sẵn có của Công ty cũng được dự báo sẽ mang lại nguồn thu ổn định và bền vững cho Công ty.

Bảng 21: Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh từ 2021 – 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Kế hoạch đầu tư XDCB	Tỷ đồng	-	-	-
2. Vốn điều lệ	Tỷ đồng	35,45	35,45	35,45
3. Tổng số lao động	Người	32	32	32
4. Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	3,76	4,12	4,12
5. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Triệu đồng	8.540	9.565	9.565
6. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	160,95	164,94	170,98

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
7. Tổng chi phí	Tỷ đồng	160,54	164,47	170,46
8. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,41	0,466	0,52
9. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,41	0,466	0,52
10. Tỷ lệ cổ tức	Đồng	-	-	-

3.3. Giải pháp thực hiện

3.3.1. Các giải pháp chung:

a. Công tác kế toán tài chính

- Chủ động, kịp thời trong việc luân chuyển vốn, đảm bảo đủ vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có kế hoạch xin hỗ trợ vay vốn từ Tổng công ty để giải quyết khó khăn trong sản xuất kinh doanh;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về tài chính của chi nhánh theo kế hoạch hoặc đột xuất;
- Áp dụng hệ thống phần mềm quản lý kế đồng bộ, xuyên suốt từ Văn phòng Công ty đến Chi nhánh tại Đồng Bằng Sông Cửu Long, đảm bảo công tác hợp nhất báo cáo và quản trị tài chính được hiệu quả, thông suốt;
- Ban hành danh mục mã sản phẩm đồng bộ trong Công ty để hỗ trợ việc ghi nhận doanh thu, tập hợp chi phí và đánh giá lợi nhuận được hiệu quả.

b. Công tác thị trường

- Tăng cường công tác khảo sát, nghiên cứu, tìm hiểu thị trường, kể cả các thị trường truyền thống và một số thị trường mới;
- Xây dựng kế hoạch phối hợp và hỗ trợ trình Tổng công ty, để mở rộng hoạt động kinh doanh ở các thị trường mới tiềm năng như thị trường gạo nội địa và thị trường nông sản.

c. Công tác đầu tư - xây dựng

- Tiến hành đầu tư công nghệ tân tiến cho hệ thống dây chuyền sản xuất và máy móc tại Chi nhánh để tổ chức sản xuất các sản phẩm gạo chất lượng cao nhằm tận dụng nguồn lực để phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu.

d. Công tác khoa học kỹ thuật và đào tạo

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong các sản phẩm mới thông qua việc nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm gạo và nông sản chất lượng cao, có lợi với sức khỏe người tiêu dùng;
- Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại cán bộ và quy hoạch cán bộ đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài về nguồn nhân lực.

e. Công tác chấp hành pháp luật và thực hành tiết kiệm

- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định và pháp luật của Nhà nước;
- Tiếp tục thực hiện quy định của Chính phủ và chủ trương của Công ty về việc tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm.

3.3.2. Giải pháp cụ thể

a. Giải pháp kỹ thuật

Đối với văn phòng Công ty:

- Hợp tác kinh doanh tại các địa điểm nhà đất:
- + Đẩy mạnh công tác quản lý giám sát, tăng cường giao khoán, tổ chức lại bài bản và hiệu quả quy trình hoạt động, mở rộng thêm phạm vi kinh doanh đối với hoạt động hợp tác kinh doanh tại 5 địa điểm nhà đất;
- + Thường xuyên rà soát và cập nhật kịp thời tình hình thị trường về giá hợp đồng tại 5 địa điểm nhà đất nhằm khai thác tối đa nguồn lực sẵn có và gia tăng doanh thu.
- Kinh doanh nông sản:
- + Nghiên cứu, khảo sát, phân tích thị trường kinh doanh nông sản nội địa và xuất khẩu để xây dựng chiến lược và mô hình kinh doanh phù hợp với ngành hàng mới;
- + Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết về việc phát triển mô hình kinh doanh mặt hàng nông sản trình Tổng công ty hỗ trợ và phê duyệt; bao gồm các nội dung sau: vốn đầu tư, điều kiện cơ sở vật chất (kho hàng, thiết bị máy móc, ...), nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào, nguồn thu mua đầu ra, chương trình đào tạo nguồn nhân lực nhằm thích ứng với hoạt động kinh doanh mới, kế hoạch phối hợp với các đơn vị thành viên của Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu kinh doanh.

Đối với Chi nhánh tại Đồng Bằng Sông Cửu Long:

- Tận dụng nguồn lực có sẵn và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa điểm cho thuê với giá ưu đãi của Tổng công ty tại Sa Đéc, Đồng Tháp;
- Đầu tư đổi mới và cải tiến hệ thống dây chuyền máy móc với thiết bị công nghệ tân tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành chế biến, tiết kiệm chi phí và tăng tỉ suất lợi nhuận;
- Đa dạng hóa chủng loại sản phẩm gạo để phù hợp với thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, tăng sản lượng những sản phẩm có giá trị xuất khẩu cao, giảm dần tỷ trọng sản phẩm có giá trị thấp, chi phí sản xuất cao và không còn phổ biến với thị yếu tiêu dùng;
- Triển khai tốt công tác thu mua và nghiên cứu thị trường cung ứng để tìm được nguồn hàng nhập chất lượng tốt và giá thành hợp lý;
- Xây dựng và thúc đẩy kế hoạch xin hỗ trợ chỉ tiêu xuất khẩu trình Tổng công ty để đảm bảo nguồn cung xuất khẩu và hiệu quả kinh doanh của toàn Công ty;

- Xây dựng kế hoạch phân công người lao động rõ ràng nhằm nâng cao tinh trách nhiệm của nhiệm của người lao động và hiệu quả công việc.

b. Giải pháp tài chính

- Sau cổ phần hóa, bên cạnh việc tiếp tục hoạt động kinh doanh các sản phẩm gạo và hợp tác kinh doanh với các đơn vị khác, Công ty sẽ bước đầu tham gia vào hoạt động kinh doanh các mặt hàng nông sản để gia tăng nguồn thu, tận dụng các yếu tố con người, năng lực, kinh nghiệm sẵn có, cũng như sự hỗ trợ mở rộng mảng kinh doanh mới từ phía Tổng công ty;
- Trong ngắn hạn, giai đoạn từ 3-5 năm, Công ty sau Cổ phần hóa sẽ cần có nguồn lực đầu tư để triển khai và mở rộng các hoạt động thị trường của mảng kinh doanh mới. Nguồn lực đầu tư này có thể đến từ việc kinh doanh gạo cung ứng xuất khẩu cho Tổng công ty với những hợp đồng dài hạn và mức giá ưu đãi. Sau giai đoạn này, Công ty sẽ đi vào vận hành ổn định, gia tăng tính tự chủ, và giảm dần mức kinh doanh gạo cung ứng cho Tổng công ty. Mức cung ứng xuất khẩu cụ thể cho Tổng công ty trong 3 năm tiếp theo được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 22: Nguồn thu dự kiến từ kinh doanh gạo cung ứng xuất khẩu cho Tổng công ty

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Doanh thu từ gạo kinh doanh cung ứng xuất khẩu cho Tổng công ty (Tỷ VNĐ)	64,8	61,5	60,3
2	Khối lượng gạo kinh doanh cung ứng xuất khẩu cho Tổng công ty (Tấn)	7.619	7.238	7.093

- Ngay sau cổ phần hóa, doanh thu từ gạo kinh doanh cung ứng xuất khẩu cho Tổng công ty được tính toán ở mức 64,8 tỷ VNĐ, tương đương khoảng 7.619 tấn gạo (với giá thị trường: ~8.500 VNĐ/Kg Gạo xuất khẩu), sẽ giúp công ty đủ trang trải chi phí lương và các hoạt động cần thiết để đầu tư triển khai các hoạt động kinh doanh nông sản trong giai đoạn bắt đầu.
- Các năm tiếp theo, khi hoạt động kinh doanh nông sản bắt đầu phát triển và đạt được doanh thu ổn định, cũng như bộ máy vận hành dần ổn định với công việc kinh doanh mới, doanh thu từ gạo kinh doanh cung ứng xuất khẩu cho Tổng công ty được tính toán sẽ giảm dần ở mức 4%/năm, xuống còn 60,3 tỷ VNĐ, tương đương khoảng 7.093 tấn gạo (với giá thị trường: ~8.500 VNĐ/Kg Gạo xuất khẩu), vào năm 2023.

c. Giải pháp thị trường

- Dự báo tốt thị trường để linh hoạt điều chỉnh các chủng loại sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu, và có giá trị gia tăng cao để tăng doanh thu và hiệu quả;
- Tăng cường phối hợp với Tổng công ty và các đơn vị thành viên của Tổng công ty nhằm củng cố và mở rộng các kênh bán hàng nội địa và thị trường xuất khẩu;

- Chú trọng cải tiến mẫu mã, bao bì, thể hiện đầy đủ nguồn gốc xuất xứ các loại gạo và nông sản;
- Áp dụng các quy trình quản lý sản xuất tiêu chuẩn, giám sát chặt chẽ để giữ ổn định chất lượng gạo và nông sản cho những lô hàng xuất khẩu, tận dụng các nguồn hỗ trợ về nguồn cung của Tổng công ty để nâng cao số lượng xuất khẩu;
- Xây dựng kế hoạch quảng bá, tăng cường công tác tiếp thị và xây dựng thị trường ở tất cả các lĩnh vực chủ chốt: ngành gạo, ngành nông sản và hợp tác kinh doanh nhà đất.

d. Giải pháp về đào tạo

- Nâng cao chất lượng chuyên môn của các khoá đào tạo, đa dạng các hình thức đào tạo: đào tạo dài hạn, ngắn hạn theo chương trình chuẩn đồng thời xây dựng các chương trình ngắn hạn chuyên biệt theo yêu cầu của các công ty trong từng thời kỳ;
- Tuyển dụng lao động trực tiếp tại Chi nhánh có tay nghề, kỹ thuật cao vào những vị trí còn thiếu, có chính sách đãi ngộ thích hợp để thu hút lao động.

4. Phương án sử dụng đất của Công ty sau khi cổ phần hóa

Bảng 23: Phương án sử dụng đất của Công ty sau cổ phần hóa

TT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích quản lý (m ²)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng sau cổ phần hóa	Hình thức sử dụng
		Đất	Sàn sử dụng			
I Hà Nội						
1	Số 373 Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	366,4	1.336,9	+ GCN quyền sử dụng đất số BL 868973 do UBND TP. Hà Nội cấp ngày 10/12/2013. Thời hạn sử dụng: 50 năm kể từ ngày 15/10/1993. + Công văn số 2926/BTC-QLCS ngày 04/03/2011 của Bộ Tài chính phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc; + Tờ trình số 10/TTr-L.TLY-PASĐĐ ngày 21/02/2020 của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên; + Công văn số 5241/UBND-KT ngày 04/11/2020 của UBND TP. Hà Nội về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Tiếp tục sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo phù hợp với quy hoạch của thành phố	Sử dụng riêng (thuê đất trả tiền hàng năm)
2	Cơ sở nhà, đất tầng 1, nhà chung cư, khu tập thể Nguyễn Công Trứ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	62	50	+ Hợp đồng thuê đất số 229-245/ĐC-BĐ-HĐTĐ ngày 26/7/1996 giữa Sở địa chính nhà đất Hà Nội và Cửa hàng kinh doanh lương thực số 3 (đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên); + Công văn số 2926/BTC-QLCS ngày 04/03/2011 của Bộ Tài chính phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc; + Tờ trình số 10/TTr-L.TLY-PASĐĐ ngày 21/02/2020 của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên; + Công văn số 5241/UBND-KT ngày 04/11/2020 của UBND TP. Hà Nội về phương án sử dụng đất sau cổ	Tiếp tục sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo phù hợp với quy hoạch của thành phố	Sử dụng riêng (thuê đất trả tiền hàng năm)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích quản lý (m ²)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng sau cô phần hóa	Hình thức sử dụng
		Đất	Sàn sử dụng			
				phần hóa của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3	Tầng 1 số 51 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	25	25	<p>+ HĐ thuê đất số 459/XNHBT/HĐTNCD ngày 10/03/2017 Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội và Công ty TNHH MTV lương thực Lương Yên kèm theo Phụ lục Hợp đồng thuê nhà đất ngày 15/05/2018; Thời hạn thuê đến ngày 03/12/2019. Hiện Công ty đang chờ Công ty Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội ký (gia hạn) hợp đồng;</p> <p>+ Công văn số 5277/UBND-KT ngày 25/11/2019 của UBND TP Hà Nội về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất trên địa bàn TP Hà Nội của 02 đơn vị thành viên của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc trên địa bàn thành phố;</p> <p>+ Công văn số 239/BTC-QLCS ngày 08/01/2020 của Bộ Tài chính về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trên địa bàn TP Hà Nội;</p> <p>+ Tờ trình số 10/TTr-LTLY-PASDĐ ngày 21/02/2020 của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên;</p> <p>+ Công văn số 5241/UBND-KT ngày 04/11/2020 của UBND TP. Hà Nội về phương án sử dụng đất sau cô phần hóa của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p>	Làm cơ sở kinh doanh (Thực hiện theo phương án sắp xếp nhà, đất của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt theo quy định)	Thuê nhà của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội
4	Số 157 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội	167,1	167,1	<p>+ HĐ thuê nhà, đất số 250/XNĐĐ/HĐTNCD Ngày 13/8/2014 giữa Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội và Công ty TNHH MTV lương thực Lương Yên kèm theo Phụ lục hợp đồng thuê nhà, đất ngày 15/5/2018. Thời hạn thuê đến ngày 31/12/2018.</p>	Làm cơ sở kinh doanh (Thực hiện theo phương án sắp xếp nhà, đất của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội)	Thuê nhà của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội

TT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích quản lý (m ²)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng sau cổ phần hóa	Hình thức sử dụng
		Đất	Sàn sử dụng			
				<p>Hiện Công ty đang chờ Công ty Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội ký (gia hạn) hợp đồng.</p> <p>+ Công văn số 5277/UBND-KT, ngày 25/11/2019 của UBND TP Hà Nội về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất trên địa bàn TP Hà Nội của 02 đơn vị thành viên của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc trên địa bàn thành phố;</p> <p>+ Công văn số 239/BTC-QLCS ngày 08/01/2020 của Bộ Tài chính về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trên địa bàn TP Hà Nội;</p> <p>+ Tờ trình số 10/TTr-LTLY-PASĐĐ ngày 21/02/2020 của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên;</p> <p>+ Công văn số 5241/UBND-KT ngày 04/11/2020 của UBND TP. Hà Nội về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p>	MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt theo quy định)	Triển nhà Hà Nội
5	Tầng 1 số 45 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	28,5	28,5	<p>+ Công văn số 792/QL&PTN-QLN ngày 12/4/2017 của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội</p> <p>- UBND thành phố Hà Nội v/v Nhà chuyên dùng thuộc sở hữu Nhà Nước tại số 45 phố Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng. Hiện Công ty đang chờ Công ty Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội ký hợp đồng.</p> <p>+ Công văn số 5277/UBND-KT, ngày 25/11/2019 của UBND TP Hà Nội về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất trên địa bàn TP Hà Nội của 02 đơn vị thành viên của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc trên địa bàn thành phố;</p> <p>+ Công văn số 239/BTC-QLCS ngày 08/01/2020 của Bộ Tài chính về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của</p>	Làm cơ sở kinh doanh (Thực hiện theo phương án sắp xếp nhà, đất của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt theo quy định)	Thuê nhà của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội

TT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích quản lý (m ²)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng sau cổ phần hóa	Hình thức sử dụng
		Đất	Sàn sử dụng			
				Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trên địa bàn TP Hà Nội; + Tờ trình số 10/TTr-LTLY-PASĐĐ ngày 21/02/2020 của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên; + Công văn số 5241/UBND-KT ngày 04/11/2020 của UBND TP. Hà Nội về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
II	Tiền Giang					
6	Cơ sở nhà đất tại Huyện Cái Bè, Tiền Giang	1.478		+ Quyết định 595/QĐ-UB ngày 20/03/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giao đất cho Công ty Lương thực cấp I Lương Yên, nay là Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên; + GCN quyền sử dụng đất số M 115111 do UBND tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/03/1999; + Biên bản kiểm tra hiện trạng khu đất ngày 24/04/2019; + Quyết định số 119/QĐ-BTC ngày 31/01/2020 của Bộ Tài chính về việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; + Công văn số 933/BTC-QLCS ngày 31/01/2020 của Bộ Tài chính về phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên trên địa bàn tỉnh Tiền Giang + Tờ trình số 104/TTr-TCTL-TMB- HĐTV ngày 21/02/2020 của TCT Lương thực Miền Bắc về phương án sử dụng đất tại tỉnh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên sau cổ phần hóa;		
6.1	Đất lâu năm	770		Công ty đã hoàn thành xong việc chuyển giao về địa phương quản lý		
6.2	Đất xây dựng	708		Công ty đã hoàn thành xong việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		

TT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích quyền lý (m ²)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng sau cổ phần hóa	Hình thức sử dụng
		Đất	Sàn sử dụng			
				<p>+ Công văn số 283/UBND-VN ngày 21/02/2020 của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp về phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;</p> <p>+ Công văn số 192/TCTLTMB-HĐTV ngày 25/03/2020 của HĐTV TCT Lương thực Miền Bắc về bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;</p> <p>+ Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất (Nhà xưởng) của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên thuộc thửa 1172, tờ bản đồ số HKC3 tọa lạc tại Ô 3, ấp Hòa Hảo, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.</p>		

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên và Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ, GIÁ KHỞI ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH

1. Cơ cấu vốn điều lệ

Căn cứ vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp do đơn vị tư vấn định giá xác định đã được kiểm toán; giá trị thực tế vốn nhà nước theo giá trị sổ sách doanh nghiệp để xác định quy mô vốn điều lệ; kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa, Công ty đề xuất Vốn điều lệ của Lương thực Lương Yên sau cổ phần hóa với cơ cấu như sau:

- Vốn điều lệ : **35.445.060.000 đồng** (Ba mươi năm tỷ bốn trăm bốn mươi năm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)
- Mệnh giá một cổ phần : **10.000 đồng**
- Số lượng cổ phần : **3.544.506 cổ phần**
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty đã được phê duyệt ban đầu tại Quyết định số 346/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 17/12/2020 của HĐTV Tổng công ty Lương thực Miền Bắc như sau:

Bảng 24: Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Lương thực Lương Yên sau cổ phần hóa

TT	Danh sách cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị theo mệnh giá	Tỷ lệ
1	Nhà nước	1.807.698	18.076.980.600	51%
2	Cổ phần bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư bên ngoài	1.671.308	16.713.079.400	47,15%
3	Cổ phần bán cho người lao động thường xuyên	65.500	655.000.000	1,85%
3.1	Lao động được mua theo giá ưu đãi (theo mức 100 cổ phần/ năm)	65.500	655.000.000	1,85%
Tổng cộng		3.544.506	35.445.060.000	100%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên

Căn cứ Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính Phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-

CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên đã triển khai bán cổ phần cho người lao động và đã có báo cáo số 17/BC-CTLY-TGV ngày 17/02/2021 về kết quả bán cổ phần cho người lao động, Ban chỉ đạo cổ phần hóa đã có Báo cáo số 94/BC-TCTLTMB-BCĐCPHLY ngày 19/02/2021 về kết quả thu tiền bán cổ phần của Người lao động Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên theo đó đã bán thành công 100% cổ phần cho người lao động.

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Lương thực Lương Yên sau khi hoàn tất bán cổ phần cho người lao động được giữ nguyên như phương án cổ phần hóa đã phê duyệt như sau:

- 1.1. Cổ phần nhà nước (Tổng công ty Lương thực miền Bắc): 1.807.698 cổ phần chiếm 51% vốn điều lệ**
- 1.2. Cổ phần chào bán cho cán bộ quản lý và người lao động: 65.500 cổ phần, chiếm 1,85% vốn điều lệ**
- 1.3. Số lượng cổ phần bán cho tổ chức công đoàn: 0 cổ phần. Tổ chức công đoàn không thực hiện việc đăng ký mua cổ phần trong đợt cổ phần hóa Công ty.**
- 1.4. Cổ phần bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư bên ngoài: 1.671.308 cổ phần chiếm 47,15% vốn điều lệ**

V. RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định, bởi sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế, nên hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ chịu những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

Rủi ro về chi phí vốn: Để phục vụ kinh doanh, đầu tư, hầu hết tất cả các doanh nghiệp đều phải sử dụng vốn vay. Do đó, lãi suất tiền vay (là chi phí sử dụng vốn) trở thành bộ phận ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp. Khi lập kế hoạch kinh doanh và dự án đầu tư, lãi suất tiền vay đã được dự tính. Song, có rất nhiều nhân tố nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp tác động đến lãi suất tiền vay, nhất là khi lạm phát xảy ra. Việc lãi suất tiền vay biến động sẽ làm ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp. Tuy nhiên theo BCTC kiểm toán năm 2020, tại thời điểm 31/12/2020, Công ty không có bất kỳ khoản vay nợ nào vì vậy rủi ro về chi phí lãi vay đối với Công ty ở thời điểm hiện tại là không có.

Rủi ro về sức mua của thị trường: Tình hình kinh tế khó khăn khiến nhu cầu mua của thị trường bị suy giảm cũng tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nhưng những rủi ro này thường không kéo dài, do vậy cần có những biện pháp kích phù hợp để đảm bảo nguồn ra của sản phẩm hàng hoá.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái: Với những khoản vay hoặc những hợp đồng mua bán bằng ngoại tệ, khi tỷ giá hối đoái tăng, số lỗ về tỷ giá có thể làm giảm đáng kể, thậm chí là triệt tiêu toàn bộ lợi nhuận thu được trong kinh doanh. Do đó phải đánh giá và lượng hóa các chi phí có thể phải bỏ ra kể cả chênh lệch tỉ giá để so sánh với lợi ích thu về đảm bảo không bị động khi tỷ giá thay đổi.

Để hạn chế bớt tác động của rủi ro kinh tế, Công ty cần chú trọng cải tiến hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng phục vụ và chú trọng đến vấn đề quản lý chi phí.

2. Rủi ro về luật pháp

Sau khi hoàn thành công tác cổ phần hóa, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đều chịu ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế... và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhịp với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới.

Để hạn chế những tác động của rủi ro liên quan đến luật pháp, Công ty cần luôn chủ động, thường xuyên cập nhật quy định pháp luật, tìm hiểu, nghiên cứu về các thay

đổi của pháp luật đồng thời thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty.

3. Rủi ro về cân đối dòng tiền

Việc cân đối được luồng tiền thu - chi của doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Tình trạng mất cân đối về dòng tiền có thể xảy ra, khi tại doanh nghiệp tiền thu nhỏ hơn lượng tiền chi. Việc này làm ảnh hưởng lớn đến uy tín của doanh nghiệp do không thanh toán được vật tư, nhân công, không trả được các khoản nợ đến hạn một cách kịp thời dẫn đến việc khiếu kiện ...

Sự mất cân đối dòng tiền được chia thành: mất cân đối tạm thời và mất cân đối dài hạn. Có thể nói, ở bất kỳ doanh nghiệp nào cũng xảy ra mất cân đối tạm thời do việc thu hồi các khoản nợ phải thu không đúng kế hoạch; việc góp vốn không được thực hiện đúng cam kết... mất cân đối tạm thời về dòng tiền có thể khắc phục được bằng nhiều biện pháp và hậu quả thường không lớn. Mất cân đối dài hạn xảy ra do những nguyên nhân quan trọng như: phần chi phí cố định trong tổng chi phí của doanh nghiệp quá lớn do doanh thu bị sụt giảm hoặc không đủ bù đắp chi phí thường xuyên, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ; thiếu hụt vốn lưu động; nợ khó đòi tăng lên ... Tại BCTC đã kiểm toán năm 2019 của Công ty tại 31/12/2019 ở công ty tồn tại nhiều khoản nợ xấu đã trích lập dự phòng lên tới 21.027.494.705 đồng và không có khả năng có thể thu hồi. Do đó, Công ty tiềm ẩn nhiều yếu tố gây rủi ro về cân đối dòng tiền của doanh nghiệp, và về dài hạn nếu rủi ro này tiếp tục xảy ra có thể làm cho doanh nghiệp bị phá sản.

4. Rủi ro đặc thù ngành

Thị trường gạo là thị trường có mức độ cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt là với doanh nghiệp có cổ phần chi phối là nhà nước như Lương thực Lương Yên, khả năng cạnh tranh khó so sánh được với các doanh nghiệp tư nhân, vì vậy rất khó thu hút nhà đầu tư quan tâm.

5. Rủi ro về đợt chào bán cổ phiếu

Thị trường chứng khoán Việt Nam chưa thực sự sôi động; thêm vào đó, lịch thoái vốn, cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà Nước khá nhiều trong năm 2021 sẽ là thách thức không nhỏ đối với Công ty trong việc bán hết số lượng cổ phần chào bán ra công chúng.

6. Các rủi ro khác

Các rủi ro khác như rủi ro về thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, biến động chính trị, xã hội,... là những rủi ro bất khả kháng đều có ảnh hưởng đến ngành lương thực nói chung và doanh nghiệp nói riêng.

VI. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán cổ phần

1.1. Đối với người lao động

Căn cứ Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên, tổng số lượng cổ phần Công ty chào bán cho người lao động theo chính sách ưu đãi trong doanh nghiệp cổ phần hóa là 65.500 cổ phần, tương ứng 1,85% vốn điều lệ, cụ thể như sau:

a. Chào bán cho người lao động đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi

- Mua cổ phần với giá ưu đãi theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước:

Tổng số lao động đủ điều kiện mua : 35 người

Tổng số cổ phần được mua ưu đãi : 65.500 cổ phần, chiếm 1,85% vốn điều lệ

Giá bán : 6.000 VNĐ/CP (60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá 10.000 VNĐ/CP)

Thời gian bán : Việc triển khai bán cổ phần cho người lao động đã thực hiện xong trong tháng 01/2021

b. Chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên có cam kết làm việc lâu dài

- Điều kiện mua:

+ Độ tuổi: Nam từ 57 tuổi trở xuống và Nữ từ 52 tuổi trở xuống;

+ Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa;

+ Người lao động thuộc đối tượng đơn vị cần sử dụng;

+ Có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu sau khi cổ phần hóa).

- Số lượng cổ phần đăng ký mua: Mỗi người lao động chỉ được quyền mua thêm cổ phần ưu đãi theo **một trong hai** trường hợp sau:

+ Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong Công ty nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người, số cổ phần được mua thêm này được xác định theo thời gian cam kết tiếp tục làm việc tối đa đến đủ tuổi nghỉ hưu đối với lao động trong điều kiện lao động bình thường theo quy định tại Bộ luật Lao động hiện hành.

+ Riêng đối tượng là các *chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao* làm việc tại Công ty được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong Công ty nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người.

- Giá bán: **16.800 VNĐ/CP**

- Công ty không phát sinh trường hợp đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi này.

- Căn cứ Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính Phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Kết quả chào bán cổ phần ưu đãi cho người lao động khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên, cụ thể như sau:

- Tổng số lượng cổ phần đã thực hiện bán thành công cho người lao động: **65.500** cổ phần, đạt **100%** số lượng cổ phần chào bán theo phương án.
- Số lượng cổ phần do người lao động nắm giữ: **1,85%** vốn điều lệ.

1.2. Đối với Nhà đầu tư tham dự đấu giá công khai

1.2.1. Số lượng cổ phần chào bán đấu giá công khai:

- Số lượng cổ phần Công ty chào bán cho nhà đầu tư bên ngoài thông qua hình thức đấu giá công khai 1.671.308 cổ phần chiếm 47,15% vốn điều lệ

1.2.2. Giá khởi điểm: 16.800 đồng/Cổ phần

1.2.3. Đơn vị tổ chức bán đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1.2.4. Thời gian bán đấu giá: Được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

1.2.5. Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước.

Theo Điều 2.3 và Phụ lục 03 của Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 về công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam không được thực hiện quyền phân phối gạo... Hiện nay, Công ty đang có đăng ký ngành nghề kinh doanh là “Bán buôn gạo”. Do đó, tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Lương thực Lương Yên theo quy định hiện hành là 0%.

- Việc tiến hành chào bán tiếp số cổ phần chưa bán được (nếu có) trong quá trình cổ phần hóa sẽ được tiến hành theo các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với người lao động mua cổ phần ưu đãi: Thực hiện theo thông báo bán cổ phần cho người lao động do Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên ban hành.
- Đối với nhà đầu tư trúng đấu giá: Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

3. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

Theo Phương án cổ phần hóa, kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty dự kiến như sau:

Bảng 25: Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Nội dung	Số tiền
1	Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo sổ sách kế toán	35.445.058.936
2	Vốn điều lệ của Công ty	35.445.060.000
2.1	Vốn Nhà nước	18.076.980.600
2.2	Vốn đầu tư của người lao động	655.000.000
2.3	Vốn đầu tư của các cổ đông khác (đấu giá công khai)	16.713.079.400
3	Giá khởi điểm dự kiến bán	16.800
4	Tiền thu từ bán cổ phần	28.470.974.400
4.1	Vốn của người lao động mua theo năm công tác	393.000.000
4.2	Vốn đầu tư của các cổ đông khác (đấu giá công khai)	28.077.974.400
5	Tổng giá trị mệnh giá cổ phần bán bớt (5 = 2.2+2.3)	17.368.079.400
6	Chênh lệch giữa tiền thu từ bán cổ phần với giá trị mệnh giá cổ phần đã bán (6=4-5)	11.102.895.000
7	Chi phí cổ phần hóa	1.277.180.000
8	Chi phí hỗ trợ lao động dôi dư	86.161.212
9	Giá trị phần vốn nhà nước đầu tư tại Công ty (2.1)	18.076.980.600
10	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (1+6-7-8-9)	27.107.632.124

VII. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ LƯU KÝ, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM.

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định 126/2017/NĐ-CP; Thông tư số 40/2018/TT-BTC và Nghị định 140/2020/NĐ-CP, Công ty sẽ đồng thời thực hiện việc đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch cổ phần trên Sở giao dịch chứng khoán. Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty sẽ hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

VIII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

- Ông **Đỗ Trần Hoàn** Chức vụ: Thành viên HĐQT Tổng công ty Lương thực Miền Bắc - Trưởng ban

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là đầy đủ, chính xác, trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, Phương án cổ phần hóa đã được Tổng công ty Lương thực Miền Bắc phê duyệt.

2. ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV LƯƠNG THỰC LƯƠNG YÊN

- Ông **Nguyễn Đức Thắng** Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là đầy đủ, chính xác, trung thực theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên.

3. ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

- Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy** Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

(Theo ủy quyền số 01/2021/UQ-BVSC ngày 04/01/2021 của Tổng Giám đốc)

Bản Công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc tại Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên. Bản Công bố thông tin này có một số những lưu ý, điều kiện và hạn chế sau:

- Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này dựa vào các thông tin, số liệu và tài liệu do Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên cung cấp, cũng như được tham khảo từ các nguồn khác mà chúng tôi coi là đáng tin cậy và toàn bộ nội dung trong Bản công bố thông tin đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên xác nhận. BVSC không chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu do Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên cung cấp và BVSC thu thập được. Các BCTC được thu nhập và sử dụng trong Bản công bố thông tin này bao gồm:

- BCTC của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên năm 2018 và 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.
- BCTC của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

- Bản công bố thông tin này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại về số liệu tài chính tính đến ngày 31/12/2020 do Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên cung cấp, một số thông tin khác đã được cập nhật đến thời điểm công bố thông tin;

- Chúng tôi giả định rằng Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ về hoạt động kinh doanh;

Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, nhân viên của Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, tư vấn đăng ký tham dự đấu giá hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này.

Bản công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp, các quy định của pháp luật hiện hành và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2021

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC**

TRƯỞNG BAN



Đỗ Trần Hoàn

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY TNHH MTV LƯƠNG THỰC LƯƠNG YÊN**

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thắng

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

A blue ink handwritten signature.

Nguyễn Thị Thanh Thủy